Phần 1: ĐỊA LÝ ĐẠI CƯƠNG

Chuyên đề 1:

VỊ TRÍ, HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT

1. Vị trí của TĐ trong hệ Mặt Trời

*\* Vị trí:*

- TĐ là 1 trong 8 hành tinh quay xung quanh một ngôi sao lớn tự phát ra ánh sáng. Đó là MT, MT cùng các hành tinh quay xung quanh nó gọi là HMT.

- TĐ nằm ở vị trí số 3 trong số 8 hành tinh theo thứ tự xa dần MT (sao thủy, sao kim, TĐ, sao hỏa, sao mộc, sao thổ, sao thiên vương, sao hải vương)

*\* Ý nghĩa*: của vị trí thứ 3 của TĐ

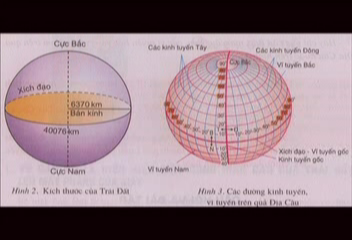
Vị trí thứ 3 của TĐ là một trong những điều kiện quan trọng để góp phần nên TĐ là hành tinh duy nhất có sự sống trong HMT.

2. Hình dạng, kích thước của TĐ và hệ thống kinh, vĩ tuyến

*\* Hình dạng:*

- TĐ có dạng hình cầu và kích thước rất lớn. Quả địa cầu là mô hình thu nhỏ của TĐ.

- Vẽ mô hình quả địa cầu: diện tích, bán kính



*\* Kích thước:*

- Diện tích bề mặt TĐ: 510 triệu km2

- Thể tích của TĐ: 1083 tỉ m3

- Các cực B và N của TĐ là 2 điểm cố định trên bề mặt TĐ là nơi tiếp xúc của hai đầu cực với bề mặt TĐ ( Trên quả địa cầu, điểm cực B ở trên, điểm cực N ở dưới)

*\* Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến:*

- Kinh tuyến là các đường nối liền 2 điểm cực B và N, có độ dài bằng nhau

- Nếu mỗi KT cách nhau 10 thì trên quả Địa cầu sẽ có tất cả 360 đường kinh tuyến.

- Kinh tuyến gốc là kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin - uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn(Anh)

+ Những kinh tuyến nằm bên phải KT gốc là kinh tuyến Đông

+ Những kinh tuyến nằm bên trái KT gốc là kinh tuyến Tây

- Kinh tuyến gốc(00) và kinh tuyến 1800 chia TĐ thành 2 nửa cầu Đ và T nhưng KT gốc lại chia nước Anh ra thành 2 phần nên trên các bản đồ NCĐ và NCT người ta lấy các đường KT 200 T và 1600 Đ làm giới hạn.

- Vĩ tuyến là các vòng tròn vuông góc với các kinh tuyến, có độ dài nhỏ dần từ xích đạo về 2 cực.

- Nếu mỗi vĩ tuyến cách nhau 10 thì trên bề mặt quả Địa cầu tù cực Bắc đến cực Nam, có tất cả 191 vĩ tuyến.

- Vĩ tuyến gốc là vĩ tuyến lớn nhất hay là đường Xích đạo(00) nó chia quả Địa cầu ra NCB và BCN

+ Những vĩ tuyến từ Xích đạo đến cực B là vĩ tuyến B

+ Những vĩ tuyến từ Xích đạo đến cực N là vĩ tuyến N

Câu hỏi:

Câu 1: Ý nghĩa về hình dạng, kích thước của TĐ?

- Do TĐ có dạng hình cầu nên MT thường xuyên chỉ chiếu sáng được một nửa bề mặt của TĐ, nửa còn lại nằm trong bóng tối. Vì vậy trên TĐ luôn có hiện tượng ngày và đêm.

- Dạng hình cầu của TĐ làm cho những tia sáng MT chiếu // xuống bề mặt TĐ trong cùng 1 lúc tạo ra các góc nhập xạ (góc chiếu) khác nhau ở các kinh độ và vĩ độ khác nhau nên ảnh hưởng đến sự phân bố bức xạ của MT lên bề mặt TĐ theo vĩ độ và theo thời gian trong ngày.

- Hình cầu của TĐ sinh ra hiện tượng càng lên cao, cách xa MT thì tầm nhìn của con người về phía chân trời càng được mở rộng

- Khối hình cầu của TĐ có hai nửa đối xứng qua mặt phẳng xích đạo nên hình thành 2 bán cầu B và N, nhiều hiện tượng địa lí thường xảy ra trái ngược nhau ở 2 bán cầu này.

- Hình dạng khối cầu dẹp của TĐ tuy là kết quả của sự vận động của TĐ nhưng sức ma sát của triều lực do dạng hình cầu sinh ra cũng ảnh hưởng ngược lại đến tốc độ tự quay làm cho nó chậm dần.

- Kích thước và khối lượng vật chất của TĐ đã sinh ra sức hút đủ lớn để giữ được lớp không khí bên ngoài TĐ tạo điều kiện để sự sống hình thành và phát triển.

Câu 2: Thế nào là Xích đạo? Xích đạo có đặc điểm gì?

- Xích đạo là bề mặt tưởng tượng chứa tâm TĐ và vuông góc với địa cực cắt bề mặt TĐ thành đường tròn lớn.

- Xích đạo có đặc điểm sau:

+ Đường XĐ là vĩ tuyến lớn nhất TĐ, chiều dài là 40076km

+ Mặt phẳng Xích đạo chia TĐ thành 2 nửa cầu bằng nhau: NCB và NCN

+ Bất cứ địa điểm nào nằm trên Xích đạo quanh năm cũng có hiện tượng ngày và đêm dài bằng nhau và cũng thấy MT ở đỉnh đầu 2 lần trong năm vào các ngày xuân phân 21/3 và thu phân 23/9.

------------------------------------------------------------------------------

Chuyên đề 2:

SỰ VÂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT VÀ CÁC HỆ QUẢ

**1.** **Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất**:

- TĐ tự quay quanh trục tưởng tượng nối liền hai cực và nghiêng 66033’ trên mặt phẳng quỹ đạo, hướng từ T-Đ hết 1 vòng là 24 giờ (1 ngày đêm)

- Để tiện cho việc tính giờ và giao dịch trên thế giới người ta chia bề mặt TĐ ra 24 khu vực giờ.

- Khu vực giờ gốc (0h) là khu vực giờ có đường kinh tuyến gốc đi qua chính giữa.

- Giờ tính theo khu vực giờ gốc (có đường kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô TP Luân Đôn của Anh) là giờ GMT.

- Nước ta nằm ở khu vực giờ thứ 7

**2. Hệ quả của sự vận động quanh trục**

*a. Ngày đêm liên tục ở khắp nơi trên Trái Đất:*

- Trái Đất có dạng hình cầu, do đó mặt trời bao giờ cũng chỉ chiếu sáng được một nửa. Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm.

- Nhờ có sự vân động tự quay quanh trục của Trái Đất từ Tây sang Đông nên ở khắp mọi nơi trên Trái đất đều lần lượt có ngày và đêm.

*b. Giờ giấc mỗi nơi mỗi khác:*

Trái Đất tự quay quanh trục từ Tây sang Đông một vòng là 24 giờ tương ứng chia bề mặt trái đất ra 24 khu vực giờ. Mỗi khu vực có một giờ riêng ( Hai khu vực cạnh nhau chênh nhau 1 giờ, giờ khu vực phía đông bao giờ cũng đến sớm hơn giờ khu vực phía tây)

*c. Làm lệch hướng các vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất:*

- Nếu nhìn xuôi theo chiều chuyển động, thì:

+ Ở nửa cầu Bắc, vật chuyển động sẽ lệch sang phải.

+ Ở nửa cầu Nam, vật chuyển động sẽ lệch sang trái.

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Sự phân chia bề mặt Trái Đất ra 24 khu vực giờ có thuận lợi gì về mặt sinh hoạt và đời sống?

- Trên bề mặt Trái Đất, giờ ở mỗi kinh tuyến ( dù ở cạnh nhau) đều khác nhau, nếu dựa vào giờ của từng kinh tuyến mà tính giờ thì trong sinh hoạt quá phức tạp. Ngay ở trong một khu vực nhỏ cũng có nhiều giờ khác nhau.

- Nếu chia bề mặt Trái Đất ra 24 khu vực, mỗi khu vực rộng 150 có một giờ thống nhất, thì việc tính giờ trong sinh hoạt sẽ thuận lợi hơn, vì các hoạt động của mọi người dân sống trong khu vực sẽ được thống nhất về mặt thời gian.

**Câu 2:** Thời gian tự quay đúng một vòng của TĐ là bao nhiêu?

- Đồng thời với vận động tự quay quanh trục, TĐ cũng di chuyển trên quĩ đạo quanh MT, khi TĐ tự quay 1 vòng trọn vẹn thì nó cũng di chuyển được 1 khoảng cách nhất định trên quĩ đạo.

- Lúc đó MT trên xuất hiện trên vị trí cũ trên bầu trời. Để thấy được vị trí xuất hiện ban đầu của MT, TĐ quay đi 1 thời gian bằng 3/56//.

Như vậy, thời gian tự quay 1 vòng đúng của nó chỉ dài 23h54/6//, người ta gọi đó là ngày thực hay ngày thiên văn.

**Câu 3:** Ý nghĩa của sự vận động tự quay của Trái Đất?

- Khi tự quay quanh trục 1 vòng mất 24 giờ hay 1 ngày đêm và chuyển động quanh MT 1 vòng 365 ngày 6 giờ với tốc độ 28,9km/giây. Khi quay, trục của TĐ nghiêng 66033/ và luôn nghiêng về 1 phía đã tạo ra hiện tượng các mùa khí hậu.

- Với hình dạng khối cầu, khi quay TĐ tạo ra sự phân bố nhiệt không đều từ xích đạo về 2 cực gây ra sự chênh lệch về khí áp tạo nên hệ thống các loại gió điều hòa nhiệt độ TĐ.

- Với tốc độ quay nhanh với cá nhân chứa Fe và niken TĐ đã tạo quanh mình một từ trường cực mạnh mà không có 1 hành tinh nào có được. Điện từ trường bao phủ xung quanh TĐ ngăn không cho tia vũ trụ xuống TĐ gây hại trên bề mặt TĐ.

**Câu 4**:

a. Mọi vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất có sự lệch hướng như thế nào?

b. Sự chuyển động lệch hướng có tính chất quy luật này ảnh hưởng đến các hiện tượng gì thường xuyên xảy ra trên Trái Đất?

a. Mọi vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất đều bị lệch hướng, rõ nhất là chuyển động theo hướng kinh tuyến.

Nếu nhìn xuôi theo chiều chuyển động: Ở nửa cầu Bắc lệch về bên phải

Ở nửa cầu Nam lệch về bên trái

b. Sự chuyển động lệch hướng có tính chất quy luật này ảnh hưởng đến:

- Hướng của các loại gió thường xuyên như Tín phong, gió Tây ôn đới thổi trên bề mặt Trái Đất;

- Hướng của các dòng biển nóng và lạnh trong các đại dương

**Câu 5**: Xác định kinh độ địa lí của điểm A . Biết điểm A là 12 giờ và giờ kinh tuyến gốc là 7 giờ 40 phút?

- Điểm A có giờ sớm hơn giờ kinh tuyến gốc. Do đó điểm A nằm ở phía đông kinh tuyến gốc. (0,5 đ)

- Giờ điểm A cách giờ kinh tuyến gốc là : 12h  - 7h 40’ = 4h 20’ (0,5 đ)

- Mặt khác tốc độ quay quanh trục của Trái Đất : 1h = 360° KT : 24h = 15° KT/giờ (0,5đ)

- Vậy kinh độ điểm A là : 4h20’ × 15° KT/giờ = 63° KT

Kinh độ địa lí điểm A là 63° Đ.

Câu 6. Giờ khu vực được tính như thế nào theo khu vực giờ gốc?

Nếu ở phía đông, khu vực giờ gốc + thêm số khu vực cách xa khu vực giờ gốc

Nếu ở phía tây, khu vực giờ gốc – bớt số khu vực cách xa khu vực giờ gốc

**Câu 7**:

a. Sự vận động tự quay quanh trục sinh ra những hệ quả gì? Giải thích các hệ quả đó.

b. Khu vực giờ gốc là 10 giờ, lúc này các khu vực sau đây có giờ là bao nhiêu:

- Khu vực nằm giữa kinh tuyến 97,50Đ và kinh tuyến 112,50Đ

- Khu vực nằm giữa kinh tuyến 112,50T và kinh tuyến 127,50T

---> **Khu vực giờ gốc là 10 giờ, lúc này các khu vực sau đây có giờ là**:

- Khu vực nằm giữa kinh tuyến 97,50Đ và kinh tuyến 112,50Đ: 17 giờ

- Khu vực nằm giữa kinh tuyến 112,50T và kinh tuyến 127,50T: 2 giờ

-----------------------------------------------------------------------------

**Chuyên đề 3:**

**SỤ CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT QUANH MẶT TRỜI**

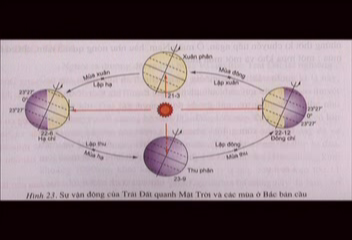
**1. Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời**

- Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng từ tây sang đông trên một quĩ đạo có hình elip gần tròn. Thời gian Trái Đất chuyển động 1 vòng trên quĩ đạo là 365 ngày 6 giờ.

- Quĩ đạo của TĐ quanh MT là đường di chuyển của TĐ quanh MT.

- Trong khi chuyển động trên quĩ đạo, Trái đất lúc nào cũng giữ độ nghiêng (66033/) trên mặt phẳng quĩ đạo và hướng nghiêng của trục không đổi. Sự chuyển động đó gọi là chuyển động tịnh tiến.

- Vẽ hình:



**2. Hiện tượng các mùa**

- Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng trong khi chuyển động trên quĩ đạo nên Trái Đất có lúc ngả nửa cầu Bắc, có lúc ngả nửa cầu Nam về phía Mặt Trời.

- Nửa cầu nào ngả gần về phía Mặt Trời thì có góc chiếu sáng lớn, nhận được nhiều nhiệt và ánh sáng. Lúc đó là mùa nóng của nửa cầu đó. Nửa cầu nào không ngả gần về phía Mặt Trời ( chếch xa) thì có góc chiếu sáng nhỏ, nhận được ít nhiệt và ánh sáng. Lúc đó là mùa lạnh của nửa cầu đó.

- Sự phân bố ánh sáng, lượng nhiệt và cách tính mùa ở hai nửa cầu Bắc và Nam trái ngược nhau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày | Tiết | Địa điểm bán cầu | TĐ ngả gần nhất, chếch xa nhất | Lượng ánh sáng  và nhiệt | Mùa |
| 22/6 | Hạ chí  Đông chí | NCB  NCN | Ngã gần MT nhất  Chếch xa MT | Nhiều  Ít | nóng  lạnh |
| 22/12 | Đông chí  Hạ chí | NCN  NCB | Ngã gần MT nhất  Chếch xa MT nhất | Nhiều  Ít | nóng  lạnh |
| 21/3 | Xuân phân  Thu phân | Cả NCN và NCB  Cả NCN và NCB | Hai nửa cầu hướng về MT như nhau | Như nhau | Chuyển tiếp từ lạnh sang nóng |
| 23/6 | Thu phân  Xuân phân | Cả NCN và NCB  Cả NCN và NCB | Đều chếch xa MT | Như nhau | Chuyển tiếp từ nóngsang lạn |

- NCB: thời kì nóng: 21/3-23/9

Thời kì lạnh: 23/9-21/3

- NCN: ngược lại

Cách tính ngày bắt đầu các mùa ở NCB theo âm-dương lịch với ngày bắt đầu theo dương lịch

Vẽ bảng trang 32

**Chuyên đề 4:**

HIỆN TƯỢNG NGÀY ĐÊM DÀI NGẮN KHÁC NHAU THEO MÙA

1. Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ

- Trong khi quay quanh MT, Trái Đất có lúc chúc nửa cầu Bắc, có lúc ngả nửa cầu Nam về phía Mặt Trời.

- Do đường phân chia sáng tối không trùng với trục Trái Đất nên các địa điểm ở NCB và NCN có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ.

- Các địa điểm nằm trên đường Xích đạo quanh năm lúc nào cũng có ngày và đêm dài ngắn như nhau.

- Trong 21/3 và 23/9 ánh sáng MT chiếu thẳng góc xuống xích đạo. Hai nửa cầu B và N được chiếu sáng như nhau nên thời gian trên mọi nơi trên TĐ bằng nhau.

- Vào các ngày 22/6 và 22/12 các địa điểm ở các vĩ tuyến 66033/ B và N sẽ có ngày và đêm có 1 ngày hoặc đêm dài suốt 24 giờ.

- Các địa điểm nằm từ 66033/ B và N đến 2 cực có số ngày có ngày, đêm dài 24 dao động theo mùa từ 1 ngày đến 6 tháng.

- Các địa điểm nằm ở cực B và N có ngày hoặc đêm dài suốt 6 tháng

**2. Các chí tuyến và vòng cực**

- Ngày 22/6 ánh sáng MT chiếu thẳng góc với mặt đất ở vĩ tuyến 23027/B vĩ tuyến đó gọi là chí tuyến B.

- Ngày 22/12 ánh sáng MT chiếu thẳng góc với mặt đất ở vĩ tuyến 23027/N vĩ tuyến đó gọi là chí tuyến N.

- Vĩ tuyến 66033/ B và N là những đường giới hạn các khu vực có ngày và đêm dài 24 giờ ở NCB và NCN. Các đường đó gọi là vòng cực.

**3. Hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau trong 2 ngày 22/6 và 2/12**

*\* Ngày 22/6:*

- Ở NCB, 22/6 TĐ ngả NCB về phía MT lúc đó ánh sáng MT chiếu vuông góc với mặt đất ở CTB. Tất cả các địa điểm ở NCB đều có hiện tượng ngày dài đêm ngắn, chỉ riêng các địa điểm trên xích đạo có ngày đêm dài bằng nhau.

Càng lên các vĩ tuyến cao sự chênh lệch ngày đêm càng rõ rệt. Các địa điểm từ vĩ tuyến 66033/ B đến cực B có ngày dài 24 giờ.

Càng lên các vĩ tuyến cao sự chênh lệch ngày đêm càng rõ rệt. Các địa điểm từ vĩ tuyến 66033/ N đến cực N có ngày dài 24 giờ.

- Ở NCN, TĐ chếch xa NCN sang phía MT, lúc đó ánh sáng MT chiếu vuông góc với mặt đất tại chí tuyến B.

Tất cả các địa điểm ở NCN đều có hiện tượng ngày ngắn, đêm dài. Chỉ riêng các địa điểm ở Xích đạo có ngày đêm dài = nhau.

Càng lên các vĩ tuyến cao, sự chênh lệch giữa ngày và đêm càng rõ rệt. Các địa điểm từ vĩ tuyến 66033/ N đến cực N có đêm dài 24 giờ.

*\* Ngày 22/12:*

- Ở NCB, TĐ chếch xa NCB sang phía MT, lúc đó ánh sáng MT chiếu vuông góc với mặt đất tại chí tuyến N.

Tất cả các địa điểm ở NCB đều có hiện tượng ngày ngắn, đêm dài. Chỉ riêng các địa điểm ở Xích đạo có ngày đêm dài = nhau.

Càng lên các vĩ tuyến cao, sự chênh lệch giữa ngày và đêm càng rõ rệt. Các địa điểm từ vĩ tuyến 66033/ B đến cực B có đêm dài 24 giờ.

- Ở NCN, TĐ ngả NCN về phía MT, ánh sáng MT chiếu vuông góc với mặt đất ở chí tuyến N.

Tất cả các địa điểm ở NCN đều có hiện tượng ngày dài, đêm ngắn. Chỉ riêng các địa điểm ở xích đạo có ngày đêm dài = nhau.

Càng lên các vĩ tuyến cao, sự chênh lệch giữa ngày và đêm càng rõ rệt. Các địa điểm từ vĩ tuyến 66033/ N đến cực N có ngày dài 24 giờ.

**4. Lịch và sự phân chia các mùa trong năm**

- Dương lịch hiện nay được thông dụng trên phần lớn thế giới vì nó đơn giản vì chỉ dựa vào chu kì quay của TĐ quanh MT. Nó có ưu điểm là đúng với thời tiết khí hậu trong năm.

- Ở các nước ôn đới vì sự phân hóa ra 4 mùa rõ rệt theo dương lịch – thời gian ở các mùa ở NCB được phân chia như sau:

+ Mùa xuân: từ 21/3-22/6, lúc này MT bắt đầu di chuyển từ xích đạo lên CTB lượng nhiệt bắt đầu tăng lên, trong khi ngày cũng dài thêm ra nhưng vì mặt đất vừa tỏa hết nhiệt khi MT ở NCN nay bắt đầu tích lũy nên nhiệt chưa cao.

+ Mùa hạ: từ 22/6-23/9, là lúc MT đã lên CTB đang chuyển dần về xích đạo, mặt đất ko những tích lũy được nhiều nhiệt qua mùa xuân mà còn nhận thêm 1 lượng bức xạ lớn nên rất nóng vì thế nhiệt độ lên cao.

+ Mùa thu:: 23/9-22/12, lúc này MT bắt đầu di chuyển về chí tuyến nam. Lượng bức xạ tuy có giảm đi nhưng mặt đất vẫn còn nhiệt giữ trữ qua mùa trước nên nhiệt độ chưa thấp lắm.

+ Mùa đông: 22/12-21/3, lúc này MT từ CTN về xích đạo lượng bức xạ tuy có tăng lên chút ít nhưng mặt đất đã tiêu hao hết lượng nhiệt dữ trữ và trở nên rất lạnh.

- Ỏ NCN tình hình các mùa hoàn toàn ngược lại với NCB.

- Ở những nước vùng giữa 2 chí tuyến sự phân hóa 4 mùa không rõ rệt như các nước trong vùng ôn đới quanh năm nhiệt độ lúc nào cũng cao.

- Âm lịch trước đây nước ta cũng như 1 số nước ở các nước châu Á có thói quen sử dụng âm-dương lịch, lịch này là loại lịch phức tạp được đoán nhờ sự phối hợp với các chu kì chuyển động của mặt trăng và TĐ.. Mỗi năm có 12 tháng, năm nhuận có 13 tháng, mỗi tháng có 29 hoặc 30 ngày phù hợp với các tuần trăng. Mỗi năm chia 24 tiết, mỗi tiết cách nhau 15 ngày phù hợp với vị trí của TĐ trên hoàng đạo. Các mùa được tính sớm hơn các mùa trong dương lịch 45 ngày. Các tiết xuân phân, hạ chí, thu phân, đông chí là những tiết chỉ vị trí giữa các mùa (X,H,T,Đ)

Ghi các mùa theo âm-dương lịch.

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Tại sao Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời sinh ra 2 thời kỳ nóng và lạnh luân phiên nhau ở 2 nửa cầu?

Trong khi chuyển động quanh MT do trục TĐ nghiêng trên mặt phẳng quĩ đạo nên NCB và NCN lần lượt có lúc ngã về phía MT có lúc chếch xa MT nên sinh ra 2 thời kì nóng và lạnh khác nhau. Ngày bắt đầu thời kì nóng là 21/3 và ngày kết thúc là 23/9, tương tự ngày bắt đầu thời kì lạnh là 23/9 và kết thúc là 21/3 năm sau. Ngày bắt đầu và ngày kết thúc của mùa lạnh và mùa nóng của NCN hoàn toàn ngược lại.

**Câu 2:** Nêu cách tính thời gian các mùa theo dương lịch và theo âm – dương lịch? So sánh 2 cách tính?

**Câu 3:** Nếu trục Trái Đất thẳng góc với Xích đạo thì có sự thay đổi mùa như hiện nay không? ( cho ví dụ ở các miền ôn đới, nhiệt đới và vùng cực khí hậu sẽ như thế nào?)

Nếu trục Trái Đất thẳng đứng thành 1 góc với mặt phẳng quĩ đạo thì khi TĐ chuyển động quanh MT ánh sáng MT bao giờ cũng chiếu thẳng góc vào xích đạo lúc đó hiện tượng mùa sẽ không có ở bất cứ nơi nào trên TĐ, nhiệt độ lúc nào cũng cao nhất ở Xích đạo và giảm dần ở 2 cực

**Câu 4:** Nếu trục Trái Đất nằm trong mặt phẳng quĩ đạo thì hiện tượng mùa trên Trái Đất diễn ra như thế nào?

Nếu trục Trái Đất nằm trong mặt phẳng quĩ đạo thì TĐ chuyển động tịnh tiến quanh MT, trên bề mặt TĐ sẽ có hiện tượng mùa ở khắp nơi nơi, nhưng sự thay đổi mùa rất khốc liệt. Trong 1 năm, ánh sáng MT sẽ chiếu thẳng góc từ xích đạo lên 2 vùng cực lúc đó sẽ không khái niệm chí tuyến, vùng nội chí tuyến.

**Câu 5:** Năm thiên văn, năm lịch và năm nhuận khác nhau như thế nào, hãy giải thích?

\* Người ta qui ước, trong một năm lịch có bao nhiêu tháng, tháng có bao nhiêu ngày?

- **Năm thiên văn** là thời gian Trái Đất chuyển động trọn một vòng trên quĩ đạo: 365 ngày 6 giờ

- **Năm lịch**: Khi làm lịch để cho thuận lợi người ta lấy chẵn 365 ngày làm một năm. So với năm thiên văn , năm lịch thiếu 6 giờ.

- **Năm nhuận**: Năm lịch thiếu 6 giờ so với năm thiên văn cho nên cứ 4 năm người ta thêm một ngày (24 giờ) vào năm lịch để đúng với năm thiên văn. Năm nhuận có 366 ngày. \* Theo qui ước, một năm lịch có 12 tháng, từ tháng 1 đến tháng 12.

- Mỗi tháng có 30 hoặc 31 ngày, riêng tháng 2 có 28 ngày ( năm nhuận 29 ngày)

- Số ngày của các tháng như sau:+ Tháng 1,3,5,7,8,10 và tháng 12: có 31 ngày

+ Tháng 4,6,9 và tháng 11: có 30 ngày

+ Tháng 2 có 28 ngày ( năm nhuận 29 ngày)

**Câu 6**: ( 2,0 điểm)

1. Em hãy cho biết cách tính các mùa trong năm ở nửa cầu Bắc theo dương lịch?
2. Ở nước ta sự phân chia các mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông có rõ rệt không? Vì sao?

**a. Cách tính các mùa trong năm ở nửa cầu Bắc theo dương lịch:**

- Mùa Xuân: từ 21/3 ( Xuân phân) đến 22/6 ( Hạ chí) (0,25đ)

- Mùa Hạ: từ 22/6 (Hạ chí) đến 23/9 ( Thu phân) (0,25đ)

- Mùa Thu: từ 23/9 ( Thu phân) đến 22/12 ( Đông chí) (0,25đ)

- Mùa Đông: từ 22/12 ( Đông chí) đến 21/3 ( Xuân phân) (0,25đ)

b. Sự phân chia các mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông ở nước ta:

- Nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới quanh năm nóng, sự phân hoá ra 4 mùa (Xuân, Hạ, Thu, Đông) không rõ rệt. (0,5đ)

- Ở miền Bắc tuy cũng có bốn mùa nhưng mùa Xuân và mùa Thu chỉ là những thời kỳ chuyển tiếp ngắn; Ở miền Nam hầu như nóng quanh năm, chỉ có hai mùa là một mùa khô và một mùa mưa. (0,5đ)

**Tham khảo thêm**

**Câu 1**: Hãy cho biết những năm nào sau đây là những năm nhuận:

596 1678 1184 1600 1800 1842 1898

1993 1995 1999 2002 2004 2008 2009

Những năm sau đây là năm nhuận:

596 1184 1600 1800 2004 2008

**Câu 2**: Một trận bóng đá ở nước Anh được tổ chức vào hồi 16 giờ ngày 15 tháng 02 năm 2009 được đài truyền hình Việt Nam tường thuật trực tiếp. Em hãy tính giờ, ngày tháng được truyền hình trực tiếp tại các kinh độ ở các quốc gia trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Vị trí | Anh | Việt Nam | Nga | Ôxtrâylia | Hoa Kì |
| Kinh độ | 00 | 1050Đ | 450Đ | 1500Đ | 1200T |
| Giờ | 16 giờ | ? | ? | ? | ? |
| Ngày tháng | 15/02/2009 | ? | ? | ? | ? |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Vị trí | Anh | Việt Nam | Nga | Ôxtrâylia | Hoa Kì |
| Kinh độ | 00 | 1050Đ | 450Đ | 1500Đ | 1200T |
| Giờ | 16 giờ | 23 giờ | 19 giờ | 02 giờ | 08 giờ |
| Ngày tháng | 15/02/2009 | 15/02/2009 | 15/02/2009 | 16/02/2009 | 15/02/2009 |

**Câu 3**: Tại sao Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời lại sinh ra hai thời kì nóng và lạnh luân phiên nhau ở hai nửa cầu trong một năm? Từ đó sinh ra hiện tượng gì trên bề mặt Trái Đất?

Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng trong khi chuyển động trên quỹ đạo nên hai nửa cầu Bắc và Nam luân phiên nhau ngả về phía Mặt Trời, nửa cầu nào ngả về phía Mặt Trời, thì có góc chiếu lớn, nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt lúc ấy là mùa nóng của nửa cầu đó. Nửa cầu nào không ngả về phía Mặt Trời thì có góc chiếu nhỏ, nhận được ít ánh sáng và nhiệt, lúc ấy là mùa lạnh của nửa cầu đó. Từ đó đã sinh ra hiện tượng các mùa trên bề mặt Trái Đất.

**Câu 4**: Em hãy giải thích hiện tượng ngày, đêm dài, ngắn theo vĩ độ trên Trái Đất?

- Trong khi chuyển động quanh Mặt Trời, do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng nên Trái Đất có lúc ngả nửa cầu Bắc, có lúc ngả nửa cầu Nam về phía Mặt Trời và mặt phẳng của đường phân chia sáng tối không đi qua trục Trái Đất, nên các địa điểm ở nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam có hiện tượng ngày, đên dài, ngắn khác nhau theo vĩ độ.

- Các địa điểm nằm trên đường xích đạo, quanh năm có thời gian ngày và đêm bằng nhau. Càng xa xích đạo về phía hai cực, thời gian ngày, đêm chênh lệch càng biểu hiện rõ.

- Vào các ngày 22-6 và 22-12, các địa điểm ở vĩ tuyến 66033’ Bắc và Nam (vòng cực Bắc và vòng cực Nam) có một ngày hoặc đêm dài suốt 24 giờ.

- Các địa điểm nằm từ vòng cực Bắc và vòng cực Nam đến hai cực có ngày, đêm dài 24 giờ dao động theo mùa từ 1 ngày đến 6 tháng.

- Các địa điểm nằm ở cực Bắc và cực Nam có ngày, đêm dài suốt 6 tháng.

**Câu 5:** Một điện tính đánh từ Huế ( VN – múi giờ số 7) lúc 7g ngày 20/4/2006 , 1 giờ sau trao cho người nhận tại Oasinhtơn (Hoa Kì – múi giờ số 19). Hỏi người nhận được vào thời gian nào?

- Oasinhtơn và Huế chênh lệch nhau: 19-7 = 12 (múi giờ)

- Khi Huế là 7 giờ ngày 20/4/2006 thì Oasinhtơn sẽ là 19 giờ ngày 19/4/2006 .

- Một giờ sau trao cho người nhận, lúc đó là: 19 + 1 = 20 giờ ngày 19/4/2006 .

--------------------------------------------------------------------

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**1**. Ý nghĩa về hình dạng và kích thước TĐ?

2. Thế nào là xích đạo? Xích đạo có đặc điểm gì?

**3:** Ý nghĩa của sự vận động tự quay của Trái Đất?

**4**.Sự chuyển động lệch hướng có tính chất quy luật này ảnh hưởng đến các hiện tượng gì thường xuyên xảy ra trên Trái Đất?

5. Giờ khu vực được tính như thế nào theo khu vực giờ gốc?

**6.** Vì sao đường biểu diễn trục TĐ B-N và đường phân chia S-T không trùng nhau?

Trục TĐ và đường phân chia S-T ko trùng nhau mà cắt nhau tại tâm TĐ, do đường phân chia S-T thẳng góc với mặt phẳng quĩ đạo còn trục TĐ nghiêng với mặt phẳng quĩ đạo 1 góc 66033/

**7**a. Vì sao các địa điểm ở hai nửa cầu Bắc và Nam có hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ?

b. Vào ngày 22 tháng 6 và ngày 22 tháng 12 các địa điểm ở nửa cầu Bắc có hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ như thế nào?

a. Các địa điểm ở hai nửa cầu Bắc và Nam có hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ vì:

- Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng trong khi chuyển động trên quĩ đạo

nên khi chuyển động quanh Mặt Trời, Trái Đất có lúc chúc nửa cầu Bắc, có lúc ngã nửa cầu Nam về phía Mặt Trời.

- Do đường phân chia sáng tối và trục Trái Đất không trùng nhau

**b**. **\* Vào ngày 22/6:**

+ Trái Đất ngã nửa cầu Bắc về phía Mặt Trời.

+ Tất cả các địa điểm ở nửa cầu Bắc đều có hiện tượng ngày dài, đêm ngắn. Riêng các địa điểm trên đường xích đạo là có ngày, đêm dài bằng nhau

+ Càng lên các vĩ tuyến cao, sự chênh lệch giữa ngày và đêm càng rõ rệt.

+ Các địa điểm từ vĩ tuyến 66033/ B đến cực Bắc có ngày dài 24 giờ.

**\* Vào ngày 22/12:**

+ Trái Đất chếch nửa cầu Bắc xa phía Mặt Trời.

+ Tất cả các địa điểm ở nửa cầu Bắc đều có hiện tượng đêm dài, ngày ngắn. Riêng các địa điểm trên đường xích đạo là có ngày, đêm dài bằng nhau

+ Càng lên các vĩ tuyến cao, sự chênh lệch giữa ngày và đêm càng rõ rệt.

+ Các địa điểm từ vĩ tuyến 66033/ B đến cực Bắc có đêm dài 24 giờ.

**8.** Hiện tượng đêm trắng là gì? Hiện tượng này xảy ra ở đâu, vì sao?

**9.**Giả sử Trái Đất không chuyển động quanh trục và quanh Mặt Trời thì có ngày và đêm không? Vì sao?

Giả sử Trái Đất không chuyển động quanh trục và quanh Mặt Trời thì vẫn có ngày và đêm.

Vì Trái Đất hình cầu nên ánh sáng Mặt Trời không thể chiếu sáng toàn bộ bề mặt Trái Đất mà chỉ chiếu sáng được một nửa.

**10:** ( 1,5 điểm) Giả sử Trái Đất không chuyển động quanh trục mà chỉ chuyển động tịnh tiến quanh Mặt Trời thì có ngày và đêm không? Vì sao? Nếu có thì thời gian ngày, đêm là bao nhiêu? Hiện tượng gì sẽ xảy ra trên bề mặt Trái Đất?

Giả sử Trái Đất không chuyển động quanh trục mà chỉ chuyển động quanh Mặt Trời thì vẫn có ngày và đêm (0,25đ)

Tại vì Trái Đất hình cầu nên trong cùng một lúc ánh sáng Mặt Trời không thể chiếu sáng toàn bộ bề mặt Trái Đất mà chỉ chiếu sáng được một nửa (0,25đ)

Ngày dài 6 tháng, đêm dài 6 tháng. (0,25đ)

- Ban ngày ( dài 6 tháng) mặt đất sẽ tích một lượng nhiệt rất lớn và nóng lên dữ dội. Trong khi đó ban đêm ( dài 6 tháng) mặt đất lại toả ra một lượng nhiệt rất lớn, làm cho nhiệt độ hạ xuống rất thấp. (0,25đ)

Trong điều kiện nhiệt độ chênh lệch như vậy, sự sống trên bề mặt Trái Đất như hiện nay không thể tồn tại. (0,25đ)

- Ngoài ra sự chênh lệch về nhiệt độ cũng gây ra sự chênh lệch rất lớn về khí áp giữa 2 nửa cầu ngày và đêm, dẫn đến việc hình thành những luồng gió mạnh không sao tưởng tượng nổi trên bề mặt Trái Đất. (0,25đ)

**11.** (2 điểm): Dùng kiến thức địa lý để giải thích hiện tượng ngày đêm của câu ca dao sau:

*“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*

*Ngày tháng mười chưa cười đã tối ”*

**->** Giải thích hiện tượng ngày đêm ở nước ta:

\*Do Trái Đất có dạng hình cầu, đồng thời chuyển động tự quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời nên có hiện tượng ngày đêm ở hai bán cầu trái ngược nhau. Ở nửa cầu Bắc là mùa hạ thì nửa cầu Nam là mùa đông và ngược lại. (0,5đ)

\*Từ ngày 21/3 đến 23/9 nửa cầu bắc ngả về phía Mặt Trời nên có góc nhập xạ lớn và nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt độ. Do đó có hiện tượng ngày dài đêm ngắn tương ứng với câu ca dao “ đêm tháng 5 chưa nằm đã sáng”. (0,75 đ)

\*Từ ngày 23/9 đến 21/3 nửa cầu Nam ngả về phía Mặt Trời nên có góc nhập xạ lớn và nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt độ. Do đó có hiện tượng ngày dài đêm ngắn. Còn ở nửa cầu Bắc lúc này có hiện tượng đêm dài ngày ngắn tương ứng với câu ca dao “ ngày tháng 10 chưa cười đã tối”. (0,75 đ).

# Phần 2: ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VIỆT NAM

**Chuyên đề 5:**

**VIỆT NAM ĐẤT NƯỚC – CON NGƯỜI:**

**1. Việt Nam trên bản đồ thế giới:**

- Nước CHXHCN Việt Nam là một nước độc lập có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ bao gồm đất liền, vùng biển và vùng trời.

- Việt Nam gắn liền với lục địa Á-Âu và trong khu vực Đông Nam Á. Việt Nam có Biển Đông một bộ phận của Thái Bình Dương.

- Việt Nam là bộ phận trung tâm, tiêu biểu cho khu vực Đông Nm Á về mặt tự nhiên, văn hoá, lịch sử:

+ Tự nhiên: Tính chất bao trùm là tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm.

+ Lịch sử: VN là lá cờ đầu trong khu vực về chống thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc.

+ Văn hoá: VN có nền văn minh lúa nước, tôn giáo, nghệ thuật, kiến trúc và ngôn ngữ gắn bó với các nước trong khu vực.

- Việt Nam là thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) vào 7/1995. Việt Nam đã tích cực góp phần xây dựng ASEAN ổn định, tiến bộ, thịnh vượng.

**2. Việt Nam trên con đường xây dựng và phát triển:**

- Từ sau năm 1986 đến nay, công cuộc đổi mới toàn diện kinh tế – xã hội ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và vững chắc

- Mục tiêu tổng quát của chiến lược 10 năm 2001-2010 là: Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

**Câu hỏi:**

**Câu 1** (2đ):

- Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN ) được thành lập vào ngày, tháng, năm nào?

- Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm nào? Khi ấy Việt Nam là thành viên thứ bao nhiêu?

- Hiện nay có bao nhiêu thành viên tham gia?

- Mục tiêu và nguyên tắc của Hiệp Hội ASEAN?

- Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN ) được thành lập vào ngày 08/08/1967. **(0.25đ)**

- Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm 1995. Khi ấy Việt Nam là thành viên thứ 7. Hiện nay có 10 thành viên tham gia. **(0.75đ)**

- Mục tiêu : giữ vững hòa bình, an ninh, ổn định khu vực, cùng nhau phát triển kinh tế - xã hội. **(0.5đ)**

- Nguyên tắc : Tự nguyện, tôn trọng chủ quyền của mỗi quốc gia và ngày càng hợp tác toàn diện hơn, cùng khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế. **(0.5đ)**

**Chuyên đề 6:**

**ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG CỦA LÃNH THỔ VIỆT NAM**

**1. Đặc điểm của vị trí địa lí nước ta về mặt tự nhiên:**

- Nằm hoàn toàn trong vành đai nội chí tuyến nửa cầu Bắc

- Ở vị trí trung tâm khu vực Đông Nam Á

- Ở vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải đảo.

- Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật.

**2. Lãnh thổ:**

1. *Phần đất liền:*

- Diện tích 329.247 km2, bờ biển kéo dài 3260 km, có dạng hình chữ S, nằm gọn trong múi giờ thứ 7(GMT)

- Kéo dài qua 15 vĩ độ (chiều B-N 1650 km) và hẹp chiều ngang (Đ-T nơi hẹp nhất 50 km- Quảng Bình)

*b. Phần biển:*

- Diện tích khoảng 1 triệu km2, có nhiều đảo, quần đảo

- Quần đảo xa bờ nhất là Trường Sa (Khánh Hoà)

---------------------------------------------------------

**Câu hỏi**:

**Câu 1**: Hình dạng lãnh thổ nước ta có đặc điểm gì? Hình dạng ấy đã ảnh hưởng như thế nào tới các điều kiện tự nhiên và hoạt động giao thông vận tải?

\* **Hình dạng lãnh thổ nước ta có đặc điểm** :

- Lãnh thổ nước ta kéo dài và bề ngang phần đất liền hẹp. Chiều dài bắc-nam tới 1650 km, bề ngang nơi hẹp nhất theo chiều tây - đông, thuộc tỉnh Quảng Bình, chưa tới 50 km.

- Đường bờ biển uốn khúc hình chữ S dài 3200 km

\* **Ảnh hưởng**:

- *Đối với thiên nhiên*:

+ Cảnh quan phong phú, đa dạng và sinh động, có sự khác biệt rõ giữa các vùng, các miền tự nhiên.

+ Ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền làm tăng tính chất nóng ẩm của thiên nhiên.

- *Đối với giao thông vận tải*:

+ Với hình dạng lãnh thổ như trên, nước ta có thể phát triển nhiều loại hình vận tải như đường bộ, đường biển, đường hàng không…

+ Tuy nhiên giao thông vận tải nước ta cũng gặp nhiều trở ngại, khó khăn, nguy hiểm do hình dạng lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang và nằm sát biển. Các tuyến đường dễ bị chia cắt bỡi thiên tai, địch họa. Đặc biệt là tuyến đường giao thông bắc-nam thường bị bão lụt, nước biển phá hỏng gây ách tắc giao thông.

**Câu 2**: Vị trí và hình dạng của lãnh thổ Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc?

**\* Thuaän lôïi:**

- Phaùt trieån kinh teá toaøn dieän vôùi nhieàu ngaønh, nhôø coù khí haäu gioù muøa, coù ñaát lieàn, coù bieån

- Hoäi nhaäp vaø giao löu deã daøng vôùi caùc nöôùc Ñoâng Nam AÙ vaø theá giôùi do vò trí trung taâm vaø caàu noái

**\* Khoù khaên:**

- Chuùng ta phaûi luoân chuù yù, caûnh giaùc vôùi thieân tai nhö: baõo, luït, soùng bieån, chaùy röøng…

- Baûo veä laõnh thoå keå caû vuøng bieån, vuøng trôøi vaø haûi ñaûo xa xoâi… tröôùc nguy cô coù ngoaïi xaâm.

**Câu 3:** Hãy nêu vị trí, giới hạn, hình dáng nước Cộng hòa XHCN Việt Nam?

Với những đặc điểm về lãnh thổ như trên, thiên nhiên Việt Nam có những nét đặc biệt gì? Phân tích những thuận lợi và khó khăn do yếu tố vị trí địa lý tác động đến việc phát triển kinh tế và giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới **.**

**1. Vị trí, giới hạn, hình dáng nước Công hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**-** Điểm cực Bắc **:** Xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang (23O23’B-105O20’Đ)

- Điểm cực Nam: Xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (8O34’B- 104O40’Đ)

- Điểm cực Tây: xã Sìn Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên (22O22’B-102O10’Đ)

- Điểm cực Đông: Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa (12O40’B-109O24’Đ)

- Nằm ở rìa phía đông của BĐ Đông Dương, vừa gắn với lục địa Á - Âu vừa tiếp giáp với biển Đông, thông ra Thái Bình Dương rộng lớn

- Phạm vi lãnh thổ bao gồm phần đất liền có tổng diện tích khoảng 329 247km2 và vùng biển khoảng 1 triệu km2.

- Lãnh thổ kéo dài theo chiều B-N khoảng 1650 Km (15O vĩ tuyến). Nơi hẹp nhất theo chiều Đ-T, không quá 50km, thuộc tỉnh Quảng Bình. Đường bờ biển uốn cong hình chữ S dài 3260km. Đường biên giới trên đất liền dài trên 4550km.

**2. Đặc điểm của vị trí địa lý về mặt tự nhiên** :

- Vị trí nội chí tuyến

- Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á

- Cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước ĐNÁ đất liền và ĐNÁ hải đảo

- Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật

\* Với vị trí địa lý như trên đã có ảnh hưởng sâu sắc đến đặc điểm môi trường nước ta như :

- Đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa.

- Ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải nên tài nguyên khoáng sản và sinh vật vô cùng phong phú .

- Vị trí và hình thể đã tạo nên sự phân hoá đa dạng của tự nhiên nước ta, có sự khác nhau giữa miền bắc và miền nam, giữa đồng đằng và miền núi, ven biển hải đảo, hình thành các vùng tự nhiên khác nhau.

- Nước ta nằm trong vùng có nhiều thiên tai 🡪 nên cần có nhiều biện pháp phòng chống tích cực và chủ động.

**3. Tác động đến phát triển kinh tế –XH và giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới** :

- Việt Nam nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới. Có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ, thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với thế giới, thu hút vốn đầu tư với nước ngoài

- Có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hoá-xã hội và có mối quan hệ giao lưu lâu đời với các nước trung khu vực là điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác, hữu nghị và cùng phát triển với các nước láng giềng và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

- Về an ninh - quốc phòng, nước ta có vị trí đặc biệt quan trọng trong vùng ĐNÁ, một khu vực kinh tế rất năng động. Đặc biệt, Biển Đông là một hướng chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

**Chuyên đề 7:**

**VÙNG BIỂN VIỆT NAM:**

**1. Đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam:**

*a. Diện tích, giới hạn:*

- Vùng biển VN là 1 phần của Biển Đông, DT khoảng 1triệu Km2

- Biển Đông là 1 biển lớn, DT 3.447.000 Km2, tương đối kín, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa ĐN Á.

*b. Đặc điểm khí hậu và hải văn của biển:*

Biển VN mang tính chất nội chí tuyến gió mùa với chế độ hải văn theo mùa:

- Chế độ gió: Gió ĐB chiếm ưu thế từ tháng 10 đến tháng 4. Các tháng còn lại gió TN chiếm ưu thế.

- Chế độ nhiệt: Nhiệt độ TB của nước biển tầng mặt trên 230C. Mùa hạ ở biển mát hơn, mùa đông ấm hơn đất liền. Biên độ nhiệt trong năm nhỏ.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trên biển thường ít hơn trên đất liền, đạt từ 1100-1300 mm/năm.

- Chế độ dòng biển: Có các dòng biển với hướng chảy tương ứng với 2 mùa gió (ĐB và TN). Ngoài ra còn có các vùng nước trồi, nước chìm

- Chế độ thuỷ triều: Khác nhau giữa các vùng biển: Nhật triều và tạp triều. Vịnh Bắc Bộ có chế độ nhật triều điển hình.

- Độ muối bình quân của Biển Đông là 30-33 0/00.

**2. Tài nguyên và bảo vệ môi trường biển:**

*a. Tài nguyên:* phong phú đa dạng, có giá trị về nhiều mặt nhưng không phải vô tận

- Khoáng sản: Dầu khí, khoáng sản kim loại và phi kim

- Thuỷ sản: Cá, tôm, cua, mực, hàu, sò huyết, hải sâm, rong biển.

- Du lịch, xây dựng hải cảng

- Mặt nước: giao thông biển, nuôi trồng thuỷ sản.

*b. Môi trường biển:*

Môi trường biển nước ta khá trong lành. Tuy nhiên, ở một số vùng biển ven bờ đã bị ô nhiễm. Cần phải có kế hoạch khai thác, bảo vệ tốt hơn.

----------------------------------------------------------------------

**Câu hỏi:**

**Câu 1** (1đ): Tại sao nói Biển Đông nước ta là một biển lớn và tương đối kín?

Biển Đông nước ta là một biển lớn và tương đối kín vì :

- Đây là biển lớn, đứng thứ 2 về diện tích trong số các biển ven Thái Bình Dương với diện tích: 3.447.000 km2. **(0.5đ)**

- Nó được bao bọc 4 phía bởi lục địa Châu Á, các quần đảo : Philipin, Malaixia, Inđônêxia, chỉ thông với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương bằng những eo biển hẹp. **(0.5đ)**

**Câu 2:** Các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở vùng biển nước ta và ý nghĩa của nó đối với việc phát triển kinh tế -xã hội?

**\* Khái quát:** N­ước ta có bờ biển dài 3260km, diện tích biển hơn 1 triệu km2 trong biển có hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ… là vùng biển giàu tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa thật sự quan trọng đối với việc phát triển kinh tế-xã hội.

**\* Tài nguyên khoáng sản:**

- Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất là dầu mỏ, khí đốt *(dẫn chứng)*. Tập trung chủ yếu ở vùng trũng Cửu Long, Thổ Chu - Mã Lai, Nam Côn Sơn, đồng bằng sông Hồng… thuận lợi cho phát triển công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí…

- Các mỏ sa khoáng:

+ Ôxit ti tan có giá trị xuất khẩu ở ven biển miền Trung.

+ Cát trắng ở các đảo của Quảng Ninh, ở Cam Ranh (Khánh Hoà) là nguyên liệu quý cho công nghiệp sản xuất thuỷ tinh, pha lê.

- Với độ mặn nư­ớc biển khoảng 30‰ biển là kho tài nguyên muối vô tận, dọc bờ biển có nhiều vùng thuận lợi để sản xuất muối…

**\* Tài nguyên hải sản:**

- Trữ lượng cá biển lớn ... Khả năng khai thác cao…

- Nhiều loài có giá trị kinh tế cao, nhiều đặc sản quý hiếm *(dẫn chứng).*

- Biển có nhiều ngư­ trư­ờng lớn *(dẫn chứng).*

- Ven các đảo còn có các nguồn tài nguyên quý giá khác …

=> Tạo thuận lợi cho phát triển công nghiệp chế biến, đánh bắt hải sản, xuất khẩu…

*\* Ngoài ra, vùng biển nước ta còn có khả năng để phát triển một số ngành kinh tế khác: Du lịch, GTVT…*

**Câu 3.** Biển nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa, em hãy chứng minh qua các yếu tố khí hậu biển?

**\* Tính chất nhiệt đới:**

- Nhiệt độ trung bình năm của nước biển tầng mặt trên 230C, không đóng băng. Nhiệt độ thay đổi theo mùa: mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn đất liền.

**\* Tính chất gió mùa:**

- Chế độ gió: tháng 10 – tháng 4: gió Đông Bắc.

tháng 5 – 11: gió Tây Nam.

- Dòng biển: hoạt động theo mùa

**\* Tính chất ẩm:** lượng mưa tb 1100 -1300 mm/năm.

--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Chuyên đề 8:**

**LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM**

**1. Giai đoạn Tiền Cambri:** (Tạo lập nền móng sơ khai của lãnh thổ)

- Giai đoạn đầu hình thành lãnh thổ nước ta, cách đây 570 triệu năm

- Đại bộ phận nước ta là biển, sinh vật rất ít và đơn giản

**2. Giai đoạn Cổ kiến tạo:** (Phát triển, mở rộng và ổn định lãnh thổ)

- Diễn ra trong 2 đại là: Cổ sinh và trung sinh, kéo dài 500 triệu năm và cách đây 65 triệu năm.

- Có nhiều vận động tạo núi lớn làm thay đổi địa hình nước ta

- Phần lớn lãnh thổ nước ta đã trở thành đất liền

- Giới sinh vật phát triển ( Bò sát, cây hạt trần)

- Tạo nhiều núi đá vôi lớn và than đá ở miền Bắc

- Cuối giai đoạn bị ngoại lực bào mòn thành những bề mặt san bằng cổ

**3. Giai đoạn Tân kiến tạo:** (Nâng cao địa hình, hoàn thiện giới sinh vật và đang tiếp diễn)

- Diễn ra trong giai đoạn Tân sinh, cách đây 25 triệu năm

- Giới sinh vật phát triển phong phú và hoàn thiện ( cây hạt kín và động vật có vú)

- Quá trình nâng cao địa hình làm cho núi non, sông ngòi trẻ lại

- Hình thành các cao nguyên ba dan và các đồng bằng phù sa trẻ; mở rộng biển đông và tạo thành các bể dầu khí ở thềm lục địa và đồng bằng châu thổ.

- Loài người xuất hiện

**Câu hỏi:**

**Câu 1.** Lịch sử phát triển tự nhiên nước ta trải qua những giai đoạn nào? Giai đoạn nào có vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển lãnh thổ nước ta hiện nay?( Tân kiến tạo)

**Câu 2.** ý nghĩa của giai đoạn tân kiến tạo đối với sự phát triển tự nhiên hiện nay?

**Chuyên đề 9:**

**ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**1. Việt Nam là nước giàu tài nguyên khoáng sản:**

- Có khoảng 5000 điểm quặng và tụ khoáng của gần 60 loại khoáng sản khác nhau

- Phần lớn các khoáng sản của ta có trữ lượng vừa và nhỏ

- Một số mỏ có trữ lượng lớn là: than, dầu khí, apatit, đá vôi, sắt, crom, đồng, thiếc, bô xit…

**2. Sự hình thành các vùng mỏ chính của nước ta:**

*a. Giai đoạn Tiền Cambri:*

Có các mỏ: Than chì, đồng, sắt, đá quí … phân bố khu nền cổ, đá biến chất (Việt Bắc, Hoàng Liên Sơn, KonTum…)

*b. Giai đoạn Cổ kiến tạo:*

Apatit, than, sắt, thiếc, mamgan, titan, vàng, đất hiếm, bô xit trầm tích, đá vôi, đá quí… phân bố khắp lãnh thổ.

*c. Giai đoạn Tân kiến tạo:*

Dầu mỏ, khí đốt, than nâu, than bùn tập trung ở các bồn trầm tích ngoài thềm lục địa và dưới đồng bằng châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long… Các mỏ bô xít ở Tây Nguyên

**3. Vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản:**

Khoáng sản là loại tài nguyên không thể phục hồi. Do đó dù giàu đến đâu chúng ta cũng phải khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên này.

Cần thực hiện tốt Luật khoáng sản để khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản quí giá của nước ta.

----------------------------------------------------------

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Vì sao nước ta giàu tài nguyên khoáng sản?

Nguyên nhân của sự giàu có là:

- Việt Nam có lịch sử địa chất, kiến tạo lâu dài, phức tạp

- Việt Nam trải qua nhiều chu kỳ kiến tạo lớn. Mỗi chu kỳ kiến tạo sản sinh một hệ sinh khoáng đặc trưng

- Việt Nam nằm ở vị trí tiếp giáp của hai đai sinh khoáng lớn của thế giới là Địa Trung Hải và Thái Bình Dương

- Sự phát hiện, thăm dò, tìm kiếm khoáng sản của ngành địa chất nước ta ngày càng có hiệu quả

**Câu 2**: ( 2,5 điểm)

a. Việt Nam là nước giàu hay nghèo về tài nguyên khoáng sản?

b. Cho biết nguyên nhân làm cạn kiệt nhanh chóng một số tài nguyên khoáng sản nước ta?

c. Tại sao phải đưa ra vấn đề khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản?

a. Việt Nam là nước giàu hay nghèo về tài nguyên khoáng sản?

- Đứng về số lượng và mật độ các mỏ quặng trên diện tích lãnh thổ thì Việt Nam rõ ràng là một nước giàu có, được thiên nhiên ưu đãi về tài nguyên khoáng sản. (0,5 đ)

- Đứng về quy mô, trữ lượng tài nguyên khoáng sản thì nước ta không có nhiều mỏ, nhiều loại khoáng sản có tầm cỡ thế giới. Đa số các mỏ có trữ lượng vừa và nhỏ. (0,5 đ)

**b. Nguyên nhân làm cạn kiệt nhanh chóng một số tài nguyên khoáng sản nước ta:**

- Quản lí lỏng lẻo, khai thác bừa bãi, sử dụng không tiết kiệm (0,25đ)

- Kĩ thuật khai thác lạc hậu, hàm lượng quặng còn nhiều trong chất thải bỏ (0,25đ)

- Thăm dò, đánh giá không chính xác về trữ lượng, hàm lượng, phân bố làm cho khai thác gặp khó khăn và đầu tư lãng phí.

**c. Tại vì:**

- Khoáng sản là tài nguyên vô cùng quí giá, là nguyên liệu của ngành công nghiệp. (0,25đ)

- Khoáng sản là loại tài nguyên không thể phục hồi. (0,25đ)

- Khoáng sản không phải là tài nguyên vô tận, việc hình thành khoáng sản phải trải qua một thời gian rất lâu dài. (0,25đ)

- Nếu không khai thác hợp lí thì ngoài việc lãng phí tài nguyên còn dẫn tới ô nhiễm môi trường sinh thái. (0,25đ)

-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Chuyên đề 10:**

**ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VIỆT NAM**

- Địa hình nước ta phong phú, nhiều kiểu loại, trong đó đồi núi là bộ phận quan trọng nhất

- Địa hình nước ta được tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau

- Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của con người

-------------------------------------------

**Câu hỏi:**

**Câu 1.** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nêu đặc điểm địa hình nước ta? So sánh đặc điểm địa hình của miền Đông Bắc và Tây Bắc nước ta?

**1. Đặc điểm địa hình** :

**a. Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất trong cấu trúc địa hình nước ta:**

- Đồi núi chiếm ¾ diện tích lãnh thổ, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp (dưới 1000m chiến 85%)

- Đồi núi tạo thành một cánh cung lớn hướng ra biển Đông, chạy dài từ Tây Bắc đến Đông Nam Bộ dài 1.400km. Nhiều vùng núi ăn ra sát biển

- Đồng bẳng chiếm ¼ diện tích lãnh thổ đất liền và bị núi ngăn cách thành niều khu vực (như đồng bằng duyên hải Miền Trung)

**b. Địa hình nước ta được Tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau**:

- Lãnh thổ nước ta được tạo lập vững chắc từ sau giai đoạn cổ kiến tạo. Trải qua hàng chục triệu năm không được nâng lên, các vùng bị ngoại lực bào mòn, phá hủy tạo thành những bề mặt san bằng cổ, thấp và thoải.

- Đến Tân kiến tạo, vận động tạo núi Himalaya đã làm cho địa hình nước ta nâng cao phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau: Núi đồi- đồng bằng- thềm lục địa… Địa hình thấp dần từ nội địa ra biển theo hướng TB - ĐN

- Địa hình nước ta có hai hướng chính là TB - ĐN và hướng vòng cung, ngoài ra còn có một số hướng khác trong phạm vi hẹp.

**c. Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của con người:**

Hoạt động ngoại lực của khí hậu, của dòng nước và của con người là những nhân tố chủ yếu và trực tiếp hình thành địa hình hiện tại của nước ta

**2. Đặc điểm địa hình miền Đông Bắc và Tây Bắc: (chuyên đề sau)**

**Câu 2:** Giải thích sự hình thành các dạng địa hình: Cacxtơ nhiệt đới; cao nguyên ba dan; đồng bằng phù sa mới; đê sông, đê biển?

**a. Địa hình cacxtơ**

Nước mưa có thành phần CO2, khi tác dụng với đá vôi gây phản ứng hoà tan đá  
 CaCO3 + H2CO3 => Ca(HCO3)2

Vì vậy bên trên núi đá vôi lởm chởm, sắc nhọn, bên trong có các hang động, thạch nhũ rất đẹp

**b. Địa hình cao nguyên bazan**

Vào gđ Tân sinh, vận động tạo núi làm đứt gãy địa hình, dung nham núi lữa phun theo các đứt gãy, tạo ta các cao nguyên bazan ở Tây Nguyên, Nghệ An...

**c. Địa hình đồng bằng phù sa mới:**

Tân kiến tạo gây ra các sụt lún, sau đó được sông ngòi mang vật liệu, phù sa tới bồi đắp mà thành

**d. Địa hình đê sông, đê biển, hồ chứa**

- Đê sông chủ yếu ở dọc 2 bờ sông Hồng, sông Thái Bình do nhân dân đắp để chống lũ lụt

- Đê biển: đắp ven biển chống thuỷ triều, ngăn mặn

- Hồ chứa: Đắp đập ngăn sông, suối để làm thuỷ lợi và thuỷ điện

**Câu 3:** Vì sao nói: “Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam”?

- Đồi núi chiếm ¾ diện tích lãnh thổ.

+ Chủ yếu là đồi núi thấp, địa hình thấp dưới 1000 mét chiếm tới 85% diện tích .

+ Núi cao trên 2000 mét chỉ chiếm 1%; cao nhất là dãy Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phan-xi-păng cao 3143 mét.

- Địa hình đồng bằng chỉ chiếm ¼ lãnh thổ đất liền và bị đồi núi ngăn cách tạo thành nhiều khu vực, điển hình là dải đồng bằng Duyên hải miền Trung nước ta.

**Câu 4:** Chứng minh, giải thích địa hình nư­ớc ta luôn biến đổi do tác động mạnh mẽ của môi trư­ờng nhiệt đới gió mùa ẩm và của con ngư­ời?

|  |
| --- |
| *\* Địa hình nư­ớc ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm:*  - Trong môi trư­ờng nóng, ẩm, gió mùa, l­ượng m­ưa lớn tập trung theo mùa đã nhanh chóng xói mòn, cắt xẻ, xâm thực các khối núi, bồi tụ các đồng bằng tạo nên các dạng địa hình hiện đại…  - Tạo nên các dạng địa hình độc đáo nh­ư Cacxtơ nhiệt đới… |
| *\* Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con ng­ời:*  - Tác động trực tiếp, thư­ờng xuyên tạo nên các dạng địa hình nhân tạo: đê, đập, kênh, rạch, hồ chứa nư­ớc…  - Tác động gián tiếp: chặt phá rừng lấy gỗ, lấy đất làm nư­ơng rẫy, xây dựng các công trình…cũng là nguyên nhân làm địa hình biến đổi mạnh mẽ. |
| *\* Phong Nha-Kẻ Bàng ở Quảng Bình- di sản thiên nhiên thế giới là dạng địa hình Cacxtơ ngầm nhiệt đới.*  - Các hang động đ­ược hình thành do sự ăn mòn, xâm thực của nư­ớc để mở rộng các khe nứt có sẵn…  - Đá vôi bị nư­ớc có axit ăn mòn theo phản ứng hoá học:  CaCO3+ H2CO3 <=> Ca(HCO3)2  - Sau khi nư­ớc bốc hơi tạo thành các thạch nhũ với nhiều hình thù kỳ lạ và độc đáo. |

--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Chuyên đề 11:**

**ĐẶC ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH**

**1. Khu vực đồi núi:**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Vùng núi Tây Bắc** | **b. Vùng núi Đông Bắc** |
| - Nằm giữa sông Hồng và sông Cả  - Gồm những dãi núi cao, những sơn nguyên đá vôi hiểm trở.  - Đỉnh cao nhất: Phanxipăng 3143m  - Hướng núi chính: TB-ĐN  - Các dãi núi chính:  + Hoàng Liên Sơn  + Sơn nguyên đá vôi dọc sông Đà  + Các dái núi ven biên giới Việt-Lào  - Địa hình chắn gió ĐB và TN. Mùa đông ấm, khô hơn Đông Bắc; mùa hạ chịu tác động gió mùa TN nóng khô.  - Nhiều vành đai tự nhiên theo độ cao  - Địa hình cacxtơ phổ biến  - Cảnh đẹp: Sapa, Mai Châu | - Nằm ở tả ngạn sông Hồng  - Vùng đồi núi thấp  - Đỉnh cao nhất: Tây Côn Lĩnh 2419 m  - Hướng núi chính: vòng cung  - Các dãi núi chính:  Cánh cung Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông triều  - Địa hình đón gió mùa ĐB vào sâu, khí hậu lạnh nhất cả nước  -Vành đai nhiệt đới xuống thấp  - Địa hình cacxtơ phổ biến  - Cảnh đẹp: Ba Bể, Hạ Long |
| **c. Vùng núi Trường Sơn Bắc** | **d.Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam** |
| - Phía nam sông cả tới dãy Bạch Mã  - Vùng núi thấp có 2 sườn không cân xứng  - Cao nhất: Puxai laileng 2711 m, Rào Cỏ 2235 m  - Hướng núi chính: TB-ĐN  - Địa hình chắn gió TN tạo gió phơn khô nóng thổi xuống đồng bằng ven biển  - Cảnh đẹp: Phong Nha, Kẽ Bàng | - Từ nam Bạch Mã tới Đông Nam Bộ  - Vùng đồi núi và cao nguyên hùng vĩ  - Cao nhất: Ngọc Linh 2598 m, ChưYangsin 2405m  - Núi, CN làm thành cung lớn quay ra biển  - Địa hình chắn gió mùa ĐB của Bạch Mã nên khí hậu 1năm có 2 mùa: Mùa mưa và mùa khô  - Cảnh đẹp: Đà Lạt |
| e. Địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ và vùng đồi trung du Bắc Bộ phần lớn là những thềm phù sa cổ, mang tính chất chuyển tiếp giữa vùng núi và vùng đồng bằng | |

**2. Khu vực đồng bằng:**

- Đồng bằng châu thổ hạ lưu các sông lớn: ĐB sông Hồng, ĐB sông Cửu Long

- Đồng bằng duyên hải Trung bộ: DT khoảng 15 000km2 gồm nhiều đồng bằng nhỏ, lớn nhất là đồng bằng Thanh Hoá (3100 km2)

|  |  |
| --- | --- |
| **Đồng bằng Sông Hồng** | **Đồng bằng sông Cửu Long** |
| - DT khoảng 15 000km2  - Do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp  - Có hệ thống đê chống lũ vững chắc dài 2700 km  - Các cánh đồng trở thành ô trũng, thấp hơn nước sông ngoài đê từ 3-7m  - Đất gồm: đất trong đê và đất ngoài đê  - Có lịch sử khai thác lâu đời, là vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm thứ 2 cả nước. | - DT : 40 000km2  - Do phù sa sông Mê kông bồi đắp  - Có nhiều vùng trũng rộng lớn: Đồng Tháp Mười, khu Tứ giác Long Xuyên  - Diện tích đất mặn, đất chua rất lớn  - Mới khai thác gần đây, là vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm số 1 cả nước. |

**3. Địa hình bờ biển và thềm lục địa:**

*a. Bờ biển:*

- Dài 3260 km, chia thành bờ biển bồi tụ và bờ biển mài mòn

- Bờ biển ở các đồng bằng châu thổ có nhiều bãi bùn, bãi triều, rừng ngập mặn -> nuôi trồng thuỷ sản

- Bờ biển các vùng chân núi và hải đảo khúc khuỷu, lồi lõm có nhiều vũng, vịnh nước sâu thuận lợi xây dựng hải cảng, nhiều bãi cát sạch thích hợp du lịch tắm biển.

*b. Thềm lục địa:*

Thềm lục địa địa chất nước ta mở rộng tại các vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ, với độ sâu không quá 100 m

------------------------------------------------

**Câu 1**: ( 2,5 điểm)

a. Dựa vào Atlat địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh những đặc điểm khác nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc.

b. Nêu các thế mạnh kinh tế nổi bật của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**a. Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh những đặc điểm khác nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc.**

- Độ cao địa hình: (0,5đ)

+ Tây Bắc: vùng núi cao, chia cắt mạnh và hiểm trở nhất cả nước *(dẫn chứng)*

+ Đông Bắc: vùng đồi núi thấp. *(dẫn chứng)*

- Hướng địa hình: (0,5đ)

+ Tây Bắc: Tây Bắc - Đông Nam *(dẫn chứng)*

+ Đông Bắc: vòng cung *(dẫn chứng)*

- Các dạng địa hình: (0,5đ)

+ Tây Bắc: các dải núi cao, các sơn nguyên đá vôi và những đồng bằng nhỏ giữa núi.

+ Đông Bắc: núi thấp, đồi (trung du)

**b. Các thế mạnh kinh tế nổi bật của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.**

- Khai thác khoáng sản: than đá, sắt, chì, kẽm, bôxit... Phát triển nhiệt điện. (0,25đ)

- Phát triển thủy điện. Du lịch sinh thái. (0,25đ)

- Trồng rừng; cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả ôn đới và cận nhiệt; chăn nuôi gia súc lớn. (0,25đ)

- Phát triển kinh tế biển: nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, du lịch (0,25đ)

**Câu 2.** *(1,5 điểm)*

Tại sao nói thiên nhiên vùng đồi núi nước ta phân hoá rất phức tạp? Giải thích sự khác nhau về khí hậu và thiên nhiên giữa hai vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.

|  |
| --- |
| *Thiên nhiên vùng đồi núi nước ta phân hoá rất phức tạp* |
| Do tác động của địa hình với các luồng gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ. Thể hiện ở sự phân hoá thiên nhiên: Đông - Tây (Bắc Bộ) và Đông - Tây (Trường Sơn) |
| *Giải thích sự khác nhau về khí hậu và thiên nhiên giữa hai vùng Đông Bắc và Tây Bắc* |
| - Vùng núi Đông Bắc: hướng vòng cung của các dãy núi đón nhận trực tiếp khối khí lạnh (gió mùa Đông Bắc) từ phương Bắc tràn xuống làm cho mùa Đông đến sớm và là vùng có mùa đông lạnh rõ rệt nhất toàn quốc. Vùng Đông Bắc có nhiệt độ thấp hơn vùng Tây Bắc từ 2 - 30C, ở vùng núi thấp cảnh quan thiên nhiên mang sái thái cận nhiệt.  - Vùng núi Tây Bắc: khuất sau dãy Hoàng Liên Sơn nên ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Đông Bắc. Mùa đông khô, ít có mưa phùn, vào mùa hạ gió mùa Đông Nam bị các khối núi, cao nguyên nằm ở phía Nam (như cao nguyên Mộc Châu) ngăn cản. Luồng gió này chỉ luồn theo các thung lũng sông vào vùng Tây Bắc, nên mùa mưa ở đây thường đến muộn và kết thúc sớm. Phần phía Nam của vùng (thung lũng sông Mã, Yên Châu...) còn chịu ảnh hưởng của gió Phơn Tây Nam khô nóng, ở đây có cảnh quan rừng thưa nhiệt đới khô.  - Vùng Tây Bắc có khí hậu lạnh chủ yếu do độ cao. phần phía Bắc của vùng tập trung nhiều khối núi cao trên 2000m, nhiều đỉnh núi vượt trên 3000m, xuất hiện đai rừng cận nhiệt và đai rừng ôn đới trên núi |

**Câu 3:** Trình bày đặc điểm địa hình khu vực đồng bằng ở nước ta?

- Đồng bằng châu thổ hạ lưu các sông lớn:

+ Đồng bằng sông Cửu Long: diện tích khoảng 40.000 km2, cao trung bình 2 – 3 mét so với mực nước biển. Trên mặt đồng bằng không có đê lớn để ngăn lũ. Vào mùa lũ, nhiều vùng đất trũng rộng lớn bị ngập úng sâu và khó thoát nước như: vùng Đồng Tháp Mười, vùng tứ giác Long Xuyên – Châu Đốc – Hà Tiên – Rạch Giá.

+ Đồng bằng sông Hồng: diện tích khoảng 15.000 km2, có hệ thống đê lớn chống lũ vững chắc, dài trên 2700 km.

- Đồng bằng duyên hải miền Trung: gồm các đồng bằng nhỏ, hẹp ngang, với tổng diện tích khoảng 15.000 km2. Trong số đó, rộng nhất là đồng bằng Thanh Hóa (3.100 km2).

**Chuyên đề 12:**

**KHÍ HẬU VIỆT NAM**

**I. Đặc điểm khí hậu:**

**1. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm:**

- **Tính chất nhiệt đới**: Bầu trời quanh năm chan hòa ánh nắng, cung cấp cho nước ta một nguồn nhiệt năng rất lớn: 1 triệu kilô Calo/ 1m2, số giờ nắng đạt từ 1400 – 3000 giờ/năm.

Nhiệt độ trung bình năm của không khí đều vượt 210C trên cả nước và tăng dần từ bắc xuống nam.

- **Tính chất gió mùa ẩm**: Khí hậu nước ta chia ra hai mùa phù hợp hai mùa gió:Mùa đông lạnh khô với gió mùa đông bắc, mùa hạ nóng ẩm với gió mùa tây nam.

Gió mùa đã mang đến cho nước ta một lượng mưa lớn( 1500-2000 mm/năm) và độ ẩm không khí rất cao (trên 80%).

**2. Tính chất đa dạng và thất thường:**

- **Tính chất đa dạng**: Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm nước ta không thuần nhất trên toàn quốc, phân hóa mạnh mẽ theo không gian và thời gian, hình thành nên các miền và vùng khí hậu khác nhau rõ rệt sau đây:

+ Miền khí hậu phía Bắc, từ Hoành Sơn (vĩ tuyến 180B) trở ra, có mùa đông lạnh, tương đối ít mưa và nửa cuối mùa đông rất ẩm ướt; Mùa hè nóng và nhiều mưa.

+ Miền khí hậu Đông Trường Sơn bao gồm phần lãnh thổ Trung Bộ phía đông dãi Trường Sơn, từ Hoành Sơn tới mũi Dinh ( vĩ tuyến 110B) có mùa mưa lệch hẳn về thu đông.

+ Miền khí hậu phía Nam bao gồm Nam Bộ và Tây Nguyên có khí hậu cận xích đạo, nhiệt độ quanh năm cao, với một mùa mưa và một mùa khô tương phản sâu sắc.

+ Miền khí hậu Biển Đông Việt Nam: mang tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.

Sự đa dạng của địa hình nước ta, nhất là độ cao và hướng các dãy núi lớn đã góp phần quan trọng hình thành nhiều vùng khí hậu, nhiều kiểu khí hậu khác nhau.

- **Tính chất thất thường**: thể hiện rõ nhất trong chế độ nhiệt và chế độ mưa: năm rét sớm, năm rét muộn, năm mưa lớn, năm khô hạn, năm ít bão, năm nhiều bão… do nhịp độ và cường độ gió mùa tạo ra.

Gần đây thêm các nhiễu loạn khí tượng toàn cầu như: En Ninô và La Nina làm tăng cường tính đa dạng và thất thường của khí hậu Việt Nam.

**II. Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta:**

Nước ta có 2 mùa khí hậu tương ứng với 2 mùa gió: Mùa gió ĐB và mùa gió TN

**1. Mùa gió đông bắc (mùa đông): từ tháng 11 đến tháng 4**

- Đặc trưng chủ yếu của mùa này là sự hoạt động mạnh mẽ của gió ĐB và xen kẽ là những đợt gió ĐN.

- Khí hậu trên các miền nước ta khác nhau rõ rệt:

+ Miền Bắc: Đầu đông lạnh khô, cuối đông có mưa phùn ẩm ướt

Nhiệt độ TB tháng, nhiều nơi dưới 150C.

Miền núi cao có sương giá, sương muối, tuyết rơi.

+ Tây nguyên và Nam Bộ: Thời tiết nống khô, ổn định suốt mùa

+ Duyên hải Trung Bộ: Có mùa mưa rất lớn vào các tháng cuối năm.

**2. Mùa gió tây nam (Mùa hạ): Từ tháng 5 đến tháng 10.**

- Mùa thịnh hành của gió hướng TN, xen kẽ với tín phong đông nam

- Nhiệt độ cao trên toàn quốc và đạt trên 250C ở các miền thấp.

- Tập trung trên 80% lượng mưa cả năm, riêng vùng Duyên hải Trung Bộ mùa này ít mưa.

- Thời tiết phổ biến là trời nhiều mây, có mưa rào và mưa dông.

- Những dạng thời tiết đặc biệt: gió tây, mưa ngâu và bão.

+ Vùng Tây Bắc và miền Trung: Gió tây khô nóng gây hạn hán.

+ Đông Bắc bộ có mưa ngâu kéo dài gây ngập úng

+ Vùng đồng bằng và ven biển thường bị ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão.

**3. Những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mạng lại:**

- Thuận lợi: Sinh vật phát triển quanh năm

Có điều kiện thực hiện thâm canh tăng vụ, xen canh, gối vụ trong N2

Phát triển giao thông, du lịch quanh năm

- Khó khăn: Nhiều thiên tai: Bão, lũ, hạn hán

Nấm mốc, sâu bệnh phát sinh và phát triển ảnh hưởng đời sống vàsx

Quá trình xâm thực, xói mòn diễn ra mạnh vào mùa mưa ở vùng núi.

-----------------------------------------------

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1.Trình bày đặc điểm khí hậu Việt Nam?

2. Trình bày đặc điểm chính của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

3. Giải thích vì sao tính chất nhiệt đới của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ bị giảm sút mạnh mẽ?

**1. Đặc điểm khí hậu nước ta** :

N ước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, đa dạng và thất thường .

**a. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm** :

- Số giờ nắng cao từ 1400-3000 giờ/năm, bình quân 1m2 lãnh thổ nhận được trên 1 triệu Kcal/năm .

- Nhiệt độ trung bình năm trên 21OC và tăng dần từ bắc vào nam

- Chia làm 2 mùa rõ rệt, phù hợp với 2 mùa gió, mùa hạ với gió mùa Tây nam: ẩm và mát; mùa đông với gió mùa đông Bắc : lạnhvà khô.

- Gió mùa đã mang đến cho nước ta một lượng mưa lớn (1500-2000 mm/năm), độ ẩm không khí rất cao (trên 80%). Một số nơi do điều kiện địa hình làm cho lượng mưa hằng năm lên rất cao như: Bắc Quang (Hà Giang): 4802mm/năm, Hoàng Liên Sơn : 3552/mm/năm, Hòn Ba (Quảng Nam): 3752mm/năm …

**b. Tính chất đa dạng, thất thường** :

Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm không thuần nhất trên toàn quốc mà có sự phân hoá mạnh mẽ theo không gian và thời gian, hình thành nên các miền và vùng khí hậu khác nhau :

- Miền khí hậu phía Bắc, từ Hoành Sơn ( vĩ tuyến 18OB) trở ra : Có mùa đông lạnh, tương đối ít mưa, nửa cuối mùa đông rất ẩm ướt; mùa hè nóng và nhều mưa.

- Miền khí hậu Đông Trường Sơn (gồm Trung bộ, đông dãy Trường Sơn, từ Hoành Sơn đến Mũi Dinh (11OB): Mua mưa LỆch hẲn vỀ thu ĐÔng

- Miền khí hậu phía Nam, gồm Nam bộ vả Tây Nguyên: Khí hậu cận xích đạo, nhiệt độ cao quanh năm, có một mùa mưa và một mùa khô tương phản sâu sắc.

- Miền khí hậu Biển Đông : mang tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.

- Khí hậu núi cao : Sự đa dạng của địa hình, nhất là độ cao và hướng các dãy núi lớn đã làm hình thành nhiều vùng, nhiều kiểu khí hậu khác nhau . Ơ các vùng núi cao, thời tiết thường khắc nghiệt và biến đổi nhanh chóng, thường thấy như có cả 4 mùa trong ngày . Có nơi quanh năm mát lạnh và có lúc có sương mù, mưa tuyết như ở Sapa, Đà Lạt, Bà Nà.

- Tính chất thất thường : Ngoài tính đa dạng, khí hậu VN còn rất thất thường, biến động mạnh mẽ: có năm rét sơm, năm rét muộn; năm mưa lớn, năm khô hạn; năm ít bão, năm nhiều bão …

**2. Đặc điểm khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ:**

- Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông lạnh nhất cả nước: nhiệt độ thấp, có mưa phùn.

- Mùa đông đến sớm và kết thúc muộn (mùa đông kéo dài nhất nước ta).

- Mùa hạ: nóng ẩm và mưa nhiều.

**3. Giải thích:**

- Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhiều đợt gió mùa đông bắc lạnh từ phía bắc và trung tâm châu Á tràn xuống (mỗi năm có trên 20 đợt gió mùa cực đới tràn về).

- Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nằm ở vị trí tiếp giáp với vùng ngoại chí tuyến, á nhiệt đới Hoa Nam.

- Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ không có địa hình che chắn. Cc dy ni cnh cung mở rộng về phía Bắc, tạo điều kiện cho các luồng gió mùa đông bắc dễ dàng xâm nhập vào Bắc Bộ.

**Câu 2.** *(2,0 điểm)*

1. Giải thích vì sao khí hậu nước ta có đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa.
2. Đặc điểm đó ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất nông nghiệp?

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Giải thích:** | Điểm |
| - Khí hậu nước ta có đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa chủ yếu là do vị trí địa lý quy định | 0,25 |
| + Nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu hàng năm có 2 lần mặt trời qua thiên đỉnh. | 0,25 |
| + Nước ta nằm phía đông bán đảo Đông dương vừa gắn liền với lục địa vừa tiếp giáp với Biển Đông rộng lớn, trong khu vực hoạt động của gió mùa Châu Á... | 0,25 |
| **2. Ảnh hưởng của khí khí hậu đến sản xuất nông nghiệp nước ta.** |  |
| - Thuận lợi: |  |
| + Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa là cơ sở để nước ta phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới đa dạng sản phẩm... | 0,25 |
| + Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa là cơ sở để nước ta thực hiện các biện pháp thâm canh (xen canh, luân canh, tăng vụ), tăng năng suất... | 0,25 |
| + Chịu ảnh hưởng gió mùa, ở miền Bắc có một mùa đông lạnh nên có thể phát triển các sản phẩm cận nhiệt, ôn đới... | 0,25 |
| - Khó khăn: |  |
| + Ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp đó là gây ra lũ lụt, hạn hán, sương muối... | 0,25 |
| + Ảnh hưởng gián tiếp đến sản xuất nông nghiệp đó là sâu bệnh, dịch bệnh... | 0,25 |

**Câu 3**: (3 điểm)

1. Tại sao nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa? (1điểm)

2. Tính chất của khí hậu nhiết đới gió mùa ở nước ta được thể hiện như thế nào?Ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa đến chế độ dòng chảy của sông ngòi, bề mặt địa hình và sản xuất, sinh hoạt của nhân dân ta? (2điểm)

1. Do ảnh hưởng của vị trí địa lí: Nước ta nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới của nửa cầu Bắc và nằm trong khu vực gió mùa Đông Nam Á. *(1điểm)*

2. Tính chất của khí hậu nhiệt đới gió mùa nước ta:

- Nhiệt độ trung bình năm cao (trên 210C), nhưng vẫn thấp hơn nhiệt độ trung bình năm của các nước cùng vĩ độ. *(0,25điểm)*

*-* Lượng mưa hàng năm lớn (trên 1500 mm) và độ ẩm tương đối lớn (trên 80%) *(0,25điểm)*

- Mỗi năm có 2 mùa: mùa hạ nóng, ẩm; mùa đông nhiệt độ hạ thấp và khô. *(0,25điểm)*

\* Ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa:

*- Đối với chế độ dòng chảy của sông ngòi:*

+ Tổng lượng nước chảy lớn *(0,25điểm)*

+ Lượng chảy phân phối không đều giữa các mùa: mùa lũ chiếm gần 80% lượng nước cả năm. *(0,25điểm)*

*- Bề mặt địa hình:* bị xâm thực mạnh trong mùa mưa, nhất là vùng có độ dốc lớn *(0,25điểm)*

*- Sản xuất và sinh hoạt của nhân dân*: Cơ sở để phát triển ngành nông nghiệp nhiệt đới, sản xuất được nhiều vụ trong năm; nhiều bão, lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh nấm mốc; Thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe và sinh hoạt ăn, ở, đi lại của nhân dân… (0,5)

**Câu 4** *(2,0 điểm)*. Dựa vào bảng số liệu:

Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Lượng mưa**  (mm) | **Lượng bốc hơi** (mm) | **Cân bằng ẩm**  (mm) |
| Hà Nội | 1676 | 989 | +687 |
| Huế | 2868 | 1000 | +1868 |
| Thành phố Hồ Chí Minh | 1931 | 1686 | +245 |

Nhận xét, giải thích về lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của 3 địa điểm trên.

|  |
| --- |
| **a. Nhận xét.** |
| - Huế có lượng mưa trung bình năm cao nhất, cân bằng ẩm cao nhất. *(dẫn chứng)* |
| - Thành phố Hồ Chí Minh có lượng bốc hơi cao nhất và cân bằng ẩm thấp nhất *(dẫn chứng)* |
| - Hà Nội có lượng mưa thấp nhất *(dẫn chứng).* |
| **b. Giải thích.** |
| - Huế có lượng mưa cao nhất do bức chắn của dãy Trường Sơn và Bạch Mã đối với các luồng gió thổi hướng Đông Bắc, bão từ Biển Đông và hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới, dẫn đến mưa vào thu đông (từ tháng VIII đến tháng I). Do lượng mưa nhiều nên lượng bốc hơi nhỏ đã dẫn tới cân bằng ẩm ở Huế rất cao. |
| - Ở Thành phố Hồ Chí Minh do trực tiếp đón gió mùa Tây Nam, kết hợp hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới nên mưa khá cao. Mùa khô kéo dài nhiệt độ cao nên bốc hơi mạnh dẫn đến cân bằng ẩm thấp. |
| - Ở Hà Nội mùa đông lạnh, ít mưa nên lượng mưa thấp nhất; nhiệt độ thấp nên lượng bốc hơi ít dẫn đến cân bằng ẩm cao hơn thành phố Hồ CHí Minh. |

**Câu 5: ( 5điểm)**

Dựa vào Át lát địa Lý Việt Nam (trang 9 xuất bản năm 2009)

Hãy so sánh và giải thích sự giống và khác nhau của 2 biểu đồ khí hậu trạm Hà Nội và trạm thành phố Hồ Chí Minh ?

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1:** So sánh 2 biểu đồ khí hậu trạm Hà Nội và TP Hồ Chí Minh | **5,0** |
| a) Xác định vị trí của 2 trạm. | **1,5** |
| - Hà Nội nằm trong miển khí hậu phía bắc thuộc vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ. Hà Nội nằm khoảng 220 B, trong vùng đồng bằng sông Hồng. | 0,5 |
| - Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong miền khí hậu phía nam, thuộc vùng khí hậu Nam Bộ nằm khoảng 110 B, độ cao dưới 100m | 0,5 |
| - Hà Nội nằm trong miền khí hậu nhiệt đới gió mùa nơi có mùa đông lạnh. | 0,25 |
| - Thành phố Hồ Chí Minh nơi có khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm, nằm trong vùng bán bình nguyên Đông Nam Bộ. | 0,25 |
| b) Biến trình nhiệt: | **1,5** |
| - Cả 2 địa điểm có nhiệt độ trung bình năm trên 220C | 0,5 |
| - Biên độ nhiệt giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất của Hà Nội khoảng 120C, của TP Hồ Chí Minh khoảng 3-40C | 0,5 |
| - Vì: Hà nội gần chí tuyến, xa xích đạo, Hà Nội ảnh hưởng của gió mùa đông bắc. TP Hồ Chí Minh có khí hậu cận xích đạo rõ rệt. | 0,5 |
| c) Biến trình mưa: | **2,0** |
| - 2 trạm đều có mưa theo mùa, mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 10 | 0,5 |
| - Tổng lượng mưa của TP Hồ Chí Minh lớn hơn, các tháng mưa có lượng mưa cũng lớn hơn của Hà Nội. | 0,5 |
| - Mùa khô ở TP Hồ Chí Minh mưa ít hơn của Hà Nội, tính chất khô rõ rệt và sâu sắc hơn Hà Nội. | 0,5 |
| - Vào mùa khô Hà Nội cũng ít mưa nhưng do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc đi qua biển gây mưa phùn nên tính chất khô hạn giảm. | 0,5 |

# Câu 6: *(2,0 điểm)*

Dựa vào bảng số liệu: Lượng mưa ở trạm khí tượng Thành phố Hồ Chí Minh.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Lượng mưa(mm) | 13,8 | 4,1 | 10,5 | 50,4 | 218,4 | 311,7 | 293,7 | 269,8 | 327,0 | 266,7 | 116,5 | 48,3 |

*(SGK Địa lý 8, trang 110).*

1. Tính tổng lượng mưa trong năm ở Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nhận xét và giải thích chế độ mưa ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trình bày và giải thích sự phân bố lượng mưa trên thế giới theo vĩ độ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung** |
| 1 | Tổng l­ượng m­a trong năm ở Thành phố Hồ Chí Minh là 1930,9mm |
| 2 | Nhận xét và giải thích chế độ m­a ở Thành phố Hồ Chí Minh |
|  | - L­ợng m­a phân bố không đều giữa các tháng trong năm và m­a theo mùa.  . Mùa m­a từ tháng 5🡪10: với tổng l­ợng m­a là 1687,3mm(chiếm tới 87,4% l­ợng m­a cả năm).  . Mùa khô từ tháng 11🡪 4: tổng l­ợg m­a chỉ có 243,6mm. |
|  | - Tháng m­a nhiều nhất là tháng 9: 327mm; tháng có l­ợng m­a ít nhất là tháng 2 chỉ có 4,1mm |
|  | - Chế độ m­a ở Thành phố Hồ Chí Minh không đều và m­a theo mùa vì:  . N­ớc ta năm trong vùng nhiệt đới gió mùa (mùa m­a tháng 5 đến tháng 10), Thành phố Hồ Chí Minh th­ờng chịu ảnh h­ởng của gió mùa Tây Nam từ biển thổi vào mang nhiều hơi n­ớc nên m­a nhiều.  . Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 Thành phố Hồ Chí Minh chịu ảnh h­ởng của gió Đông Bắc(gió tín phong Bắc bán cầu và gió mùa Đông Bắc), khô ít m­a. |
| 3 | Trình bày và giải thích sự phân bố l­ợng m­a trên thế giới theo vĩ độ |
|  | L­ợng m­a trên thế giới phân bố không đều từ xích đạo về hai cực |
| - M­a nhiều nhất ở vùng xích đạo...(dẫn chứng)... nguyên nhân: xích đạo là vùng áp thấp hút gió... nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều... |
| - M­a ít ở hai khu vực chí tuyến Băc và Nam bán cầu(dẫn chứng), do đây là khu vực áp cao... |
| - M­a khá nhiều ở vùng ôn đới hai bán cầu (dẫn chứng), do tác động của gió Tây ôn đới... |
| - M­a rất ít ở hai vùng cực (dẫn chứng), do vùng này nhiệt độ thấp, bốc hơi ít và áp cao thống trị quanh năm... |

**Câu 7**: (3 điểm). Dựa vào bảng số liệu sau: Nhiệt độ trung bình một số địa điểm.

Đơn vị:*0C*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng  Địa điểm | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII | TB năm |
| Hà Nội | 16.4 | 17.0 | 20.2 | 23.7 | 27.3 | 28.8 | 28.9 | 28.2 | 27.2 | 24.6 | 21.4 | 18.2 | 23.5 |
| Huế | 19.7 | 20.2 | 23.2 | 26.0 | 28.0 | 29.2 | 29.4 | 28.8 | 27.0 | 25.1 | 23.2 | 20.8 | 25.1 |
| TP. Hồ Chí Minh | 25.9 | 26.7 | 27.9 | 28.9 | 28.3 | 27.5 | 27.1 | 27.1 | 26.8 | 26.7 | 26.4 | 25.8 | 27.1 |

Anh chị hãy:

a. Nhận xét, so sánh và giải thích về chế độ nhiệt của các địa điểm trên.

b. Rút ra kết luận về tình hình nhiệt độ ở nước ta.

|  |  |
| --- | --- |
| a. Nhận xét  - Nhiệt độ trung bình của cả ba địa điểm đều cao trên 23 0C.  Nhiệt độ tăng dần từ HN vào TP.Hồ Chí Minh.  - Biên độ nhiệt độ cao ở phía Bắc và có xu hướng giảm dần từ HN vào TP. Hồ Chí Minh.  + Hà Nội: 8.50C  + Huế: 9.70C  + TP. Hồ Chí Minh: 3.20C  - Nhiệt độ trung bình tháng thấp và cao nhất rơi vào những tháng khác nhau:  + Thấp nhất cả ở HN (16.40C) và Huế (19.70C) vào tháng I, nhưng ở TH Hồ Chí Minh cao hơn nhiều (25.80C) và sớm hơn, vào tháng XII.  + Cao nhất cả ở HN (28.90C) và Huế (29.40C) vào tháng VII, nhưng ở TP. Hồ Chí Minh thấp hơn Huế (28.90) và sớm hơn, vào tháng IV.  - Nhiệt độ trung bình từ các tháng IV đến tháng XI ở cả ba địa điểm đều cao, từ các tháng XII đến III có sự khác biệt.  + Hà Nội thấp và giảm nhanh.  + Huế, đặc biệt TP Hồ Chí Minh cao hơn và giảm chậm.  b. Giải thích  - Lãnh thổ nước ta kéo dài theo hướng Bắc – Nam, thuộc khu vực nội chí tuyến tính chất nội chí tuyến thể hiện rõ rệt. càng vào phía Nam khí hậu càng mang tính chất cận xích đạo.  - Khí hậu nước ta chịu ảnh hưởng của chế độ gió mùa:  + Mùa đông: Phía Bắc (Hà Nội, Huế) chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông lạnh xuất phát từ áp cao Xibia (lục địa), phía Nam (TP Hồ Chí Minh) chịu ảnh hưởng gió của gió mùa đông từ cao áp chí tuyến Bắc Bán Cầu .  + Mùa hạ: cả nước chịu ảnh hưởng của gió mùa xuất phát từ cao Áp Ấn Độ Dương và cao áp chí tuyến Nam Bán Cầu vượt xích đạo.  - Khu vực miền trung (Huế) chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc yếu vào mùa đông, hiện tượng phơn vào mùa hạ.  c. Kết luận  - Nước ta có nền nhiệt độ cao.  - Nhiệt độ có sự phân hoá sâu sắc giữa khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam, giữa các mùa trong năm.  - Biên độ nhiệt độ giảm dần từ Bắc vào Nam | 1.5  1.0  0.5 |

**Câu 8.** Dựa vào Atlat địa lý Việt Nam và kiến thức đã học.

a.Trình bày cơ chế hoạt động của gió mùa ở nước ta và sự phân chia mùa khác nhau giữa các khu vực.

b. Nhận xét lát cắt địa hình A,B,C *( atlat Việt Nam trang 10 )*

**1. Cơ chế hoạt động của gió mùa nước ta và sự phân chia mùa ở các khu vực** :

a. Gió mùa đông bắc (gió mùa mùa đông): hoạt động mạnh từ tháng 11 đến tháng 4. Trong mùa này, thời tiết, khí hậu các miền nước ta khác nhau rõ rệt .

\* Miền Bắc, chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc từ vùng áp cao ở lục địa phương bắc tràn xuống thành từng đợt, mang lại một mùa đông không thuần nhất.

- Đầu mùa đông là tiết thu se lạnh, khô hanh, cuối đông là tiết xuân có mưa phùn ẩm ướt

- Nhiệt độ trung bình tháng, nhiều nơi xuống thấp dưới 15OC. Miền núi cao có thể xuất hiện sương muối, sương giá, mưa tuyết… gây trở ngạ cho sự phát triển của sinh vật nhiệt đới.

\* Ở Tây Nguyên và Nam Bộ , thời tiết nóng khô, ổn định suốt mùa. Riêng ở duyên hải Trung bộ có mưa rất lớn vào các tháng cuối năm.

b. Gió mùa tây nam (gió mùa mùa hạ): từ tháng 5 đến tháng 10, thịnh hành hành là hướng gió tây nam, xen kẽ là gió tín phong nửa c6àu bắc thổi theo hướng đông nam

- Nhiệt độ cao đều trên toàn quốc và đạt trên 25OC

- Lượng mưa trong mùa rất lớn, chiếm trên 80% lượng mưa cả năm. Riêng duyên hải Trung bộ, mùa này lại ít mưa.

- Thời tiết phổ biến là trời nhiều mây có mưa rào và mưa dông. Những dạng thời tiết đặc biệt là gió tây, mưa ngâu và bão.

\* Miền Trung và Tây Bắc : thường bị ảnh hưởng của gió tây gây khô nóng, hạn hán.

\* Đồng bằng Bắc bộ :mưa ngâu kéo dài từng đợt vào giữa tháng 8 gây ngập úng .

\* Khu vực đồng bằng và các tỉnh duyên hải thường bị bão gây ra mưa to, gió lớn , gió giật phá hoại trực tiếp các công trình, xây dựng, mùa màng làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân

**2. Gợi ý Nhật xét lát cắt Trang 10 At lát địa lý Viết Nam**:

Đi từ A (TP Hồ Chí Minh) qua B (TP Đà Lạt) đến C ( Núi Chư Yang Sin)

- Đi qua các vùng địa hình nào?

+ Khu Đông Nam Bộ :

@ . Độ cao trung bình:

@. Đi qua những con sông nào

+ Khu cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên :

@ Đi qua cao nguyên nào? Độ cao trung bình của các cao nguyên? Nhận xét bề mặt địa hình của các cao nguyên này ?

@ TP Đà Lạt ở độ cao bao nhiêu? Nhận xét về đặc điển khí hậu của TP Đà Lạt?

@ Núi Chư Yang Sin cao bao nhiêu mét:

@. Đi qua những con sông nào ?

**Câu 9** (3điểm): Trình bày nguyên nhân phát sinh, hướng gió thổi, thời gian hoạt động, tính chất và ảnh hưởng của gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ ở nước ta?.

Giải thích vì sao gió mùa mùa đông thổi vào khu vực Bắc Trung Bộ thường có mưa lớn?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Gió mùa mùa đông | Gió mùa mùa hạ |
| Nguyên nhân phát sinh (1 điểm) | - Về mùa đông lục địa châu Á lạnh, khí áp cao (Trung tâm cao áp Xi Bia ). Trong khi đó phía nam (xích đạo) nóng khí áp thấp. Gió thổi từ Xi Bia đến xích đạo qua Việt Nam hình thành gió mùa mùa đông . | - Về mùa hạ lục địa châu Á nóng, khí áp thấp. Trong khi đó ở Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương mát mẻ, khí áp cao. Gió thổi từ đại dương vào lục địa hình thành gió mùa mùa hạ. |
| Hướng gió thổi (0,25 điểm) | - Đông Bắc | - Tây Nam và Đông Nam |
| Thời gian hoạt động  (0,25 điểm) | - Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau . | - Từ tháng 5 đến tháng 10 . |
| Tính chất và ảnh hưởng (0,5 điểm) | - Lạnh và khô.  - Mùa đông lạnh có những đợt rét kéo dài ảnh hưởng đến cây trồng vật nuôi. | - Mát mẻ.  - Mưa nhiều thuận lợi cho việc phát triển cây trồng. |

\* Những nhân tố gây ra mưa lớn ở khu vực BắcTrung Bộ:

- Gió mùa mùa đông thổi qua vịnh Bắc Bộ được biển cung cấp thêm nhiều hơi nước và gặp địa hình Trường Sơn Bắc (chạy theo hướng Tây Bắc Đông Nam) chặn lại gây mưa lớn. (0,5 đ)

- Mùa thu đông ven biển miền Trung thường có áp thấp, bão nhiệt đới từ biển đem đến mưa nhiều. (0,25 đ)

- Vào các tháng 10,11,12 ở vùng biển miền Trung thường có giải hội tụ nhiệt đới và là nơi gặp nhau của frông nóng và lạnh nhiễu loạn gây mưa lớn.(0,25 đ)

**Câu 9.** *(1,5 điểm )* Giải thích nguồn gốc, cơ chế hình thành, thời gian, phạm vi hoạt động và tác động đến khí hậu nước ta của gió Tây khô nóng (Gió Lào)

*- Nguồn gốc* : Từ cao áp Ấn Độ Dương

*- Cơ chế hình thành:* Gió Tây nam có nguồn gốc từ vịnh Ben Gan mang theo nhiều hơi ẩm. Khi gặp bức chắn của sườn tây Trường Sơn, gió buộc phải di chuyển lên cao, hơi nước ngưng tụ gây mưa ở sườn đón gió..Sau khi vượt núi, lượng hơi ẩm giảm đồng thời nhiệt độ lại tăng lên nên có tính chất khô, nóng .

*Thời gian hoạt động:* tháng 5,6,7.

*- Phạm vi hoạt động*: Tác động rõ nhất ở khu vực Bắc Trung Bộ, một phần duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Bắc .

*- Tác động* đến thời tiết, khí hậu của nước ta: gây ra kiểu thời tiết khô, nóng và mỗi đợt có thể kéo dài 2- 4 ngày hoặc lâu hơn .

**Câu 10.** Khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sinh vật và địa hình nước ta?

**- Sinh vật**: khí hậu nóng ẩm thuận lợi cho sv sinh trưởng, phát triển, khí hậu phân hoá theo từng miền, theo độ cao làm cho sv phong phú đa dạng, từ sv nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới. Trong đó phát triển mạnh mẽ nhất la hệ sinh thái rừng nhiệt đới thường xanh. Sự phân hoá ra các mùa khí hậu tạo cho nước ta có kiểu rừng thưa rụng lá ở Tây Nguyên

**- Địa hình**: mang tính chất nhiệt đới gió mùa

Nước mưa ăn mòn đá vôi tạo nên địa hình cacxtơ độc đáo. Trên địa hình là rừng rậm bao phủ, dưới rừng là lớp vỏ phong hoà dày vụn boẻ dễ bị xói mòn rửa trôi. Mưa lớn tập trung theo mùa đã xói mòn xâm thực, cắt xẻ các khối núi, bồi đắp các đồng bằng tạo nên các dạng địa hình hiện đại

**Câu 11.** Đặc điểm chung của khí hậu nước ta là gì ? Nét độc đáo của khí hậu nước ta thể hiện ở những mặt nào? Nguyên nhân?

- Đặc điểm chung của khí hậu nước ta là tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm.

- Nét độc đáo của khí hậu nước ta: có gió thổi theo mùa, nhiệt độ quanh năm đều cao trên 210C, lượng mưa lớn ( 1500 – 2000 mm/năm) và độ ẩm không khí trên 80% .

Vì vậy khí hậu nước ta không nóng như nhiều nước có cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và châu Phi.

- Nguyên nhân : Do vị trí địa lí của nước ta nằm trong vành đai nhiệt đới của nửa cầu bắc, lại nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa và chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

**Câu 12.** Khí hậu nước ta có thuận lợi và khó khăn gì cho sản xuất nông nghiệp?

- Thuận lợi:

+ Tạo điều kiện cho nước ta phát triển một nền NN nhiệt đới, đa dạng.

+ Tạo điều kiện tiến hành sản xuất NN theo hướng thâm canh, tăng vụ.

- Khó khăn:

+ Khí hậu lắm thiên tai nên mùa màng bấp bênh.

+ Khí hậu nóng, ẩm, nên dịch bệnh phát triển mạnh.

**Câu 13.** Chứng minh và giải thích tính đa dạng của khí hậu nước ta

- Khí hậu nước ta phân hoá đa dạng theo không gian và thời gian

Theo không gian: Từ Bắc – Nam, Đông – Tây chia ra 4 miền khí hậu:

+ Miền khí hậu phía Bắc: Từ Hoành Sơn trở ra, có mùa đông rất lạnh tương đối ít mưa, mùa hè nóng nhiều mưa. Vùng núi cao thường có băng tuyết, sương muối, sương giá.(Miền này còn có sự phân hoá ra 2 miền khí hậu là Đông Bắc, Tây Bắc)

+ Miền khí hậu Đông Trường Sơn: Từ Hoành Sơn tới mũi Dinh: Cũng có một mùa đông khá lạnh. Có mùa mưa lệch hẳn về thu đông

+ Miền khí hậu phía Nam: Bao gồm Nam bộ và Tây Nguyên, có khí hậu nhiệt đới cận xích đạo với một mùa mưa và một mùa khô tương phản sâu sắc

+ Miền khí hậu biển đông: Khí hậu gió mùa hải dương

Theo thời gian: Một năm có hai mùa khí hậu, miền bắc có một mùa đông lạnh, mùa hè nóng, miền nam có hai mùa mưa khô rõ rệt. Giữa hai mùa chính còn có các thời kì chuyển tiếp (Xuân, Thu)

- Giải thích.

+ Lãnh thổ kéo dài theo chiều bắc nam, địa hình đa dạng tạo ra sự phân hoá theo không gian

+ Gió mùa và vị trí của hai miền Nam Bắc tạo ra sự phân hoá theo thời gian

-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Chuyên đề 13**

**SÔNG NGÒI VIỆT NAM**

**I. ĐẶC ĐIỂM SÔNG NGÒI VIỆT NAM:**

**1/ Đặc điểm chung:**

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp cả nước

+ Cả nước có 2360 con sông dài trên 10 km (lập thành 102 hệ thống sông lục địa và hải đảo 4)

+ Đa số sông nhỏ, ngắn

+ Các sông lớn như sông Hồng, Mê Công (Cửu Long)

- Sông ngòi nước ta chảy theo 2 hướng chính:

+ TB-ĐN: S.Hồng, S.đà, SChảy, S.Mã, S.Cả, S.Vàm Cỏ, S.Tiền, S.Hậu, S.Ba

+ Vòng cung: S,Gâm, S. Cầu, S.Thương, S.Lô, S.Lục Nam

+ Hướng khác: S.Kỳ Cùng(ĐN-TB), S.Đồng Nai( ĐB-TN), S. Xexan (Đ-T)

- Sông ngòi nước ta có 2 mùa nước: Mùa lũ và mùa cạn, mùa lũ chiếm 70-80% lượng nước cả năm.

- Sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn:

+ Tổng lượng phù sa trôi theo dọng nước trên 200 triệu tấn/ năm

+ Sông Hồng có hàm lượng phù sa lớn nhất.

**2/ Giá trị của sông ngòi:**

- Tạo châu thổ màu mỡ, quá trình bồi đắp vẫn còn tiếp diễn ở nhiều vùng cữa sông, ven biển và trong nội địa.

- Cung cấp nước cho sinh hoạt, cho sx NN, CN

- Giao thông, du lịch

- Khai thác, nuôi trồng thuỷ sản

- Xây dựng thủy điện, thuỷ lợi.

**II. CÁC HỆ THỐNG SÔNG LỚN Ở NƯỚC TA:**

**1/ Các hệ thống sông lớn:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Các hệ thống sông lớn** | **Độ dài chính ( km)** | **Đặc điểm chế độ nước** |
| Bắc Bộ | Hồng  Thái Bình  Bằng giang-Kỳ cùng  Sông Mã | 556/1126  385  243  410/512 | - Thất thường  - Mùa lũ: tháng 6-10 (cao nhất tháng 8)  - Lũ đột ngột, lên nhanh, rút chậm |
| **Trung Bộ** | Sông Cả  Thu Bồn  Sông Ba | 361/531  205  388 | - Thất thường  - Mùa lũ: tháng 9-12 (cao nhất tháng 11)  - Lũ đột ngột, lên nhanh, rút nhanh |
| **Nam Bộ** | Đồng Nai  Mê Kông | 635  230/4500 | - Tương đối điều hoà  - Mùa lũ: tháng 7-11 (cao nhất tháng 10)  - Lũ lên từ từ, lên chậm, rút chậm |

2. **Những thuận lợi và khó khăn do nước lũ gây ra ở đồng bằng sông Cửu Long**:

- *Thuận lợi*:

Thau chua, rửa mặn đất đồng bằng

Bồi đắp phù sa tự nhiên, mở rộng diện tích đồng bằng.

Du lịch sinh thái trên kênh rạch và rừng ngập mặn

Giao thông trên kênh rạch

- *Khó khăn*:

Gây ngập lụt diện rộng và kéo dài

Phá hoại nhà cữa, mùa màng…

Gây ra dịch bệnh do ô nhiễm môi trường

Làm chết người, gia súc.

3. **Cách phòng chống lũ lụt ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long**:

|  |  |
| --- | --- |
| Đồng bằng sông Hồng | Đồng bằng sông Cửu Long |
| - Đắp đê lớn chống lụt  - Tiêu lũ theo sông nhánh và ô trũng  - Bơm nước từ đồng ruộng ra sông | - Đắp đê bao hạn chế lũ nhỏ  - Tiêu lũ ra vùng phía tây theo các kênh rạch  - Làm nhà nổi, làng nổi.  - Xây dựng làng tại các vùng đất cao, hạn chế tác động của lũ. |

**4/ Những giải pháp để sống chung với lũ ở đồng bằng sông Cửu Long lâu dài:**

- Chủ động sẵn sàng vật tư, phương tiện, lương thực, thực phẩm, thuốc men trước mùa lũ.

- Xây dựng cơ cấu kinh tế và nếp sống phù hợp với môi trường sinh thái ngập lũ theo mùa.

- Xây dựng các công trình phân lũ, thoát lũ nhanh

- Xây dựng khu tập trung dân cư an toàn có kiến trúc phù hợp(nhà nổi, làng nổi)

- Phối hợp hoạt động với các nước trong Uỷ ban Sông MêKông để dự báo chính xác và sử dụng hợp lý các nguồn lợi sông Mê Kông

**Câu hỏi:**

**Câu 1**: (4,5điểm)

Cho bảng số liệu: Lượng mưa (mm) và lưu lượng (m3/s) theo các tháng trong năm

Lưu vực sông Hồng (Trạm Sơn Tây)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Lượng mưa | 19,5 | 25,6 | 34,5 | 104,2 | 222,0 | 262,8 | 315,7 | 335,2 | 271,9 | 170,1 | 59,9 | 17,8 |
| Lưu lượng | 1318 | 1100 | 914 | 1071 | 1893 | 4692 | 7986 | 9246 | 6690 | 4122 | 2813 | 1746 |

Lưu vực sông Gianh (Trạm Đồng Tâm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Lượng mưa | 50,7 | 34,9 | 47,2 | 66,0 | 104,7 | 170,0 | 136,1 | 209,5 | 530,1 | 582,0 | 231,0 | 67,9 |
| Lưu lượng | 27,7 | 19,3 | 17,5 | 10,7 | 28,7 | 36,7 | 40,6 | 58,4 | 185,0 | 178,0 | 94,1 | 43,7 |

1. Tính thời gian và độ dài (số tháng) của mùa mưa và mùa lũ tại các lưu vực theo chỉ tiêu vượt giá trị trung bình tháng.
2. Nhận xét về quan hệ giữa mùa mưa và mùa lũ trên từng lưu vực nói riêng và trên toàn quốc nói chung.

->

a. \* **Tính giá trị trung bình**: (*Yêu cầu HS nêu cách tính hoặc đặt phép tính, nếu chỉ ghi kết quả thì cho ½ số điểm*)

- Tính giá trị trung bình của lượng mưa tháng bằng cách cộng lượng mưa các tháng trong năm rồi chia cho 12. Tính ra:

+ Lưu vực sông Hồng (Trạm Sơn Tây) : ~153 mm (153,26) **(0,5 đ)**

+ Lưu vực sông Gianh (Trạm Đồng Tâm): ~186 mm (185,84) **(0,5 đ)**

- Tính giá trị trung bình của lưu lượng dòng chảy tháng bằng cách cộng lưu lượng dòng chảy các tháng trong năm rồi chia cho 12. Tính ra:

+ Lưu vực sông Hồng (Trạm Sơn Tây) : ~3 632 m3/s (3632,58)**(0,5 đ)**

+ Lưu vực sông Gianh (Trạm Đồng Tâm): 61,7 m3/s **(0,5 đ)**

\* **Xác định mùa mưa, mùa lũ**:

- Lưu vực sông Hồng (Trạm Sơn Tây):+ Mùa mưa : Tháng 5 đến tháng 10**(0,25 đ)**

+ Mùa lũ : Tháng 6 đến tháng 10 **(0,25 đ)**

- Lưu vực sông Gianh (Trạm Đồng Tâm):+ Mùa mưa: Tháng 8 đến tháng 11**(0,25 đ)**

+ Mùa lũ : Tháng 9 đến tháng 11 **(0,25 đ)**

b. **Nhận xét quan hệ giữa mùa mưa và mùa lũ**:

- Trên từng lưu vực: Mùa mưa và mùa lũ có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng mùa mưa và mùa lũ không hoàn toàn trùng khớp với nhau. **(0,75 đ)**

- Trên thực tế mùa lũ không hoàn toàn trùng khớp với mùa mưa, vì ngoài mưa còn có các nhân tố tham gia và làm biến đổi dòng chảy tự nhiên như độ che phủ rừng, hệ số thấm của đất đá, hình dạng mạng lưới sông và nhất là các hồ chứa nước nhân tạo. Các hồ này đã điều tiết nước sông ngòi theo nhu cầu sử dụng của con người. **(0,75 đ)**

**---------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Chuyên đề 14**

**ĐẶC ĐIỂM ĐẤT VIỆT NAM:**

**1/ Đặc điểm chung:**

- Đất của nước ta đa dạng, thể hiện rõ tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của thiên nhiên Việt Nam

- Nước ta có 3 nhóm đất chính: Nhóm đất feralit, nhóm đất bồi tụ phù sa và nhóm đất mùm núi cao.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Đất feralit** | **Đất bồi tụ phù sa** | **Đất mùn núi cao** |
| Phân bố | - Chiếm 65% diện tích đất TN  - Hình thành trực tiếp tại các miền đồi núi thấp | - Chiếm 24% dt đất TN  - Hình thành do phù sa sông và biển bồi tụ | - Chiếm 11% dt đất TN  - Hình thành dưới thảm rừng á nhiệt hoặc ôn đới núi cao |
| Đặc tính | - Đất chua, nghèo mùn, nhiều sét  - Thường có màu đỏ, vàng  - Dễ bị kết von hoặc thành đá ong  - Nhiều loại:  + feralit trên đá ba dan  + feralit trên đá phiến và các loại đá mẹ khác | - Đất tơi xốp, ít chua, giàu mùn  - Có màu nâu, xám  - Dễ bị ngập úng, chua, mặn, phèn  - Nhiều loại:  + Đất trong đê, ngoài đê đbSH  + Phù sa ngọt, đất mặn, đất phèn (đbs CL)  +Đất phù sa cổ miền ĐN Bộ | Khi lên cao nhiệt độ giảm dàn, đất feralit chuyển dần sang các loại đất mùn núi cao |
| Giá trị | Có độ phì cap là đất feralit trên đá ba dan và trên đá vôi thích hợp trồng cây công nghiệp. | Thích hợp trồng lúa, hoa màu, cây ăn quả, cây CN ngắn ngày. | Chủ yếu là đất rừng đầu nguồn cần được bảo vệ. |

**2/ Vấn đề cải tạo và sử dụng đất:**

- Đất là tài nguyên quí giá. Cần phải sử dụng đất hợp lý, chống xói mòn, rửa trôi, bạc màu đất ở miền núi và cải tạo các loại đất chua, mặn, phèn ở miền đồng bằng ven biển.

- Cần phải thực hiện tốt luật đất đai để bảo vệ và sử dụng tài nguyên đất ngày càng tốt hơn.

**----------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Chuyên đề 15**

**SINH VẬT VIỆT NAM**

**I. ĐẶC ĐIỂM SINH VẬT VIỆT NAM:**

**1/ Đặc điểm chung:**

- Sinh vật Việt Nam rất phong phú, đa dạng

+ Đa dạng về thành phần loài, về gen di truyền

+ Đa dạng về kiểu hệ sinh thái (môi trường sống)

+ Đa dạng về công dụng của các sản phẩm sinh học ( đa dạng về kinh tế)

- Điều kiện sống cho sinh vật thuận lợi để tạo nên:

+ Trên đất liền đới rừng nhiệt đới gió mùa

+ Trên biển Đông khu hệ sinh vật biển nhiệt đới.

* Sinh vật VN phong phú đa dạng, phân bố trên mọi miền tổ quốc và phát triển quanh năm, chúng tạo nên 1 bức tranh nhiều màu sắc sinh động và hài hoà.

**2/ Sự giàu có về thành phần loài sinh vật:**

- Có 14 600 loài thực vật, 11 200 loài và phân loài động vật.

- Có 365 loài động vật và 350 loài thực vật quí hiếm.

**3/ Sự đa dạng về hệ sinh thái:**

- Hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển và ven các đảo

- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa với nhiều biến thể như:

+ Rừng kín thuờng xanh ở Cúc Phương, Ba Bể

+ Rừng thưa rụng lá ở Tây Nguyên

+ Rừng tre nứa ở Việt Bắc

+ Rừng ôn đới núi cao vùng Hoàng Liên Sơn

- Các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia

- Các hệ sinh thái nông nghiệp do con người tạo ra và duy trì.

**Câu hỏi**

**Câu 1:** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến tính đa dạng sinh học ở Việt Nam?

-> - Môi trường thuận lợi: Anh sáng dồi dào, nhiệt độ cao, nước đủ, tầng đất sâu, dày

- Nhiều loài sinh vật di cư tới:

+ Thành phần bản địa chiếm hơn 50% số loài, tập trung ở 4 khu vực chính: Hoàng Liên Sơn,Bắc Trung Bộ, Ngọc Linh, Lâm Viên

+ Các thành phần di cư chiếm gần 50%, phân bổ như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Luồng sinh vật** | **Tỉ lệ(%)** | **Phạm vi sống chính** | **Đặc điểm sinh thái** |
| 1 | Trung Hoa | 10 | Đông Bắc, Bắc Trung Bộ | Cận nhiệt |
| 2 | Himalaya | 10 | Tây Bắc, Trường sơn | On đới núi cao |
| 3 | Malaixia | 15 | Tây nguyên, Nam Bộ | Nhiệt đới Á xích đạo |
| 4 | An độ-Mianma | 14 | Tây bắc, Trung bộ | Cây rụng lá ưa khô |

**Câu 2:** Các vườn quốc gia có giá trị khoa học và kinh tế – xã hội như thế nào?

-> - Giá trị khoa học: Nơi bảo tồn gen tự nhiên

Cơ sở nhân giống và lai tạo giống mới

Phòng thí nghiệm tự nhiên không có gì thay thế được

- Giá trị kinh tế-xã hội: Phát triển du lịch sinh thái

Tạo môi trường sống cho xã hội(chữa bệnh, phát triển thể chất)

Xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên.

**Câu 3**: ( 2,0 điểm)

a. Trình bày đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam?

b. Nguồn tài nguyên sinh vật nước ta rất phong phú nhưng không phải là vô tận. Vậy chúng ta phải làm gì?

a. Đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam

- Sinh vật Việt Nam rất phong phú và đa dạng. Trước hết là sự đa dạng về thành phần loài, về gen di truyền, sự đa dạng về kiểu hệ sinh thái và sau nữa là sự đa dạng về công dụng của các sản phẩm sinh học. (0,5 đ)

- Trên đất nước ta, những điều kiện sống cần và đủ cho sinh vật khá thuận lợi. Hoàn cảnh đó đã tạo nên trên đất liền một đới rừng nhiệt đới gió mùa và trên Biển Đông một khu hệ sinh vật biển nhiệt đới vô cùng giàu có. (0,5 đ)

- Do tác động của con người, nhiều hệ sinh thái tự nhiên bị tàn phá, biến đổi và suy giảm về chất lượng và số lượng. (0,25đ)

b. Chúng ta phải bảo vệ, khôi phục và phát triển tài nguyên sinh vật của đất nước bằng những biện pháp tích cực:

- Không phá rừng, săn bắn chim thú (0,25đ)

- Trồng cây gây rừng, nuôi dưỡng các loại chim thú quý hiếm (0,25đ)

- Tuyên truyền và thực hiện nghiêm chỉnh Luật lâm nghiệp (0,25đ)

**II. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN SINH VẬT:**

**Câu 1. Giá trị tài nguyên sinh vật**

**Câu 2. Bảo vệ tài nguyên sinh vật:**

1. Hiện nay sự suy giảm tài nguyên sinh vật rừng ở Việt Nam như thế nào? Cho biết nguyên nhân của sự suy giảm đó?
2. Trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ rừng như thế nào?

-> a. - **Sự suy giảm tài nguyên sinh vật rừng ở Việt Nam hiện nay**:

Hiện nay ở nước ta rừng bị phá hoại rất lớn, diện tích đất trống đồi núi trọc trên 10 triệu ha chiếm tỉ lệ rất cao tương đương với diện tích rừng hiện có; động vật hoang dã quí hiếm ngày càng cạn kiệt.

- Nguyên nhân: Do chiến tranh tàn phá, cháy rừng. Con người khai thác quá sức tái sinh của rừng, đốt rừng làm rẫy, quản lý và bảo vệ kém.

b. **Trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ rừng**:

Trách nhiệm của chúng ta trong đó có nhà nước, nhân dân và cả bản thân học sinh phải thực hiện chính sách khuyến lâm hiện nay, tích cực trồng cây gây rừng; hưởng ứng phong trào tết trồng cây của Bác Hồ; xây dựng quê hương xanh, sạch đẹp và giàu có.

Thực hiện nghiêm chỉnh Luật lâm nghiệp Việt Nam. Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng nước ta, phấn đấu đến năm 2010 trồng mới được 5 triệu hec ta rừng.

**Câu 3**: ( 3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

## Diện tích rừng Việt Nam

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | **1943** | **1993** | **2001** |
| **Diện tích rừng**  (triệu ha) | 14,3 | 8,6 | 11,8 |

a. Tính tỉ lệ (%) che phủ rừng so với diện tích đất liền ( làm tròn là 33 triệu ha)

b. Nhận xét về xu hướng biến động của diện tích rừng Việt Nam.

c. Cho biết nguyên nhân làm cho diện tích rừng nước ta bị thu hẹp ?

d. Trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ rừng như thế nào?

Hướng dẫn

**a. Tỉ lệ (%) che phủ rừng so với diện tích đất liền ( làm tròn là 33 triệu ha)** (0,25đ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | **1943** | **1993** | **2001** |
| **Tỉ lệ che phủ rừng** (%) | 43,3 | 26,1 | 35,8 |

( Cho phép sai số khi làm tròn là 0,1)

b. Xu hướng biến động của diện tích rừng Việt Nam:

- Từ 1943 đến 1993 diện tích rừng giảm mạnh, tỉ lệ che phủ rừng so với diện tích đất liền giảm từ 43,3 % xuống còn 26,1 %. (0,25đ)

- Giai đoạn từ 1993 đến 2001 diện tích rừng tăng trở lại, tỉ lệ che phủ rừng so với diện tích đất liền đang được phục hồi. (0,25đ)

- Tỉ lệ che phủ rừng so với diện tích đất liền năm 2001 vẫn còn thấp hơn nhiều so với năm 1943 (0,25đ)

c. **Nguyên nhân** **làm cho** **diện tích rừng nước ta bị thu hẹp**:

- Do chiến tranh tàn phá, cháy rừng. (0,25đ)

- Khai thác không có kế hoạch, quá mức phục hồi (0,25đ)

- Nạn đốt rừng làm rẫy; đốn cây lấy gỗ, làm củi đốt… (0,25đ)

- Quản lý và bảo vệ chưa chặt chẽ. (0,25đ)

d. **Trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ rừng**:

Trách nhiệm của chúng ta trong đó có nhà nước, nhân dân và cả bản thân học sinh phải thực hiện chính sách khuyến lâm hiện nay, tích cực trồng cây gây rừng; hưởng ứng phong trào tết trồng cây của Bác Hồ; xây dựng quê hương xanh, sạch đẹp và giàu có.(0,5đ)

Thực hiện nghiêm chỉnh Luật lâm nghiệp Việt Nam. Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng nước ta, phấn đấu đến năm 2010 trồng mới được 5 triệu hec ta rừng. (0,5đ)

**Câu 4**: ( 3,0 điểm)

Dựa vào bảng số liệu về diện tích rừng ở Việt Nam qua một số năm, em hãy:

1. Nhận xét về xu hướng biến động diện tích rừng Việt nam thời kỳ 1943 – 2001.
2. Cho biết nguyên nhân làm cho diện tích rừng nước ta bị thu hẹp và ảnh hưởng của tình trạng này đối với kinh tế – xã hội và môi sinh, môi trường?

## Diện tích rừng Việt Nam

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | **1943** | **1993** | **2001** |
| **Diện tích rừng**  (triệu ha) | 14,3 | 8,6 | 11,8 |

a. Xu hướng biến động diện tích rừng Việt nam thời kỳ 1943 – 2001:

- Năm 1943 diện tích rừng là 14,3 triệu ha, đến năm 1993 còn 8,6 triệu ha, giảm 5,7 triệu ha. (0,25đ)

- Đến năm 2001 tổng diện tích rừng tăng trở lại với 11,8 triệu ha, tăng so với năm 1993 là 3,2 triệu ha. (0,25đ)

- Như vậy, từ năm 1943 đến 2001 diện tích rừng nước ta giảm 2,5 triệu ha.(0,25đ)

b \* **Nguyên nhân** **làm cho** **diện tích rừng nước ta bị thu hẹp**:

- Do chiến tranh tàn phá, cháy rừng. (0,25đ)

- Dân số ngày càng đông và tăng nhanh nên nhu cầu đất ở, đất trồng, củi, gỗ.. tăng; con người khai thác quá sức tái sinh của rừng (0,25đ)

- Nạn đốt rừng làm rẫy; quản lý và bảo vệ kém. (0,25đ)

\* **Ảnh hưởng** **của tình trạng diện tích rừng nước ta bị thu hẹp đối với kinh tế – xã hội và môi sinh, môi trường:**

*- Về mặt kinh tế-xã hội:*

+ Nguồn lợi khai thác từ rừng giảm sút, ảnh hưởng đến trhu nhập của một bộ phận dân cư lâm nghiệp (0,25đ)

+ Việc cung cấp cho ngành gỗ, giấy, cho xuất khẩu giảm sút gây trở ngại cho nhiều ngành công nghiệp (0,25đ)

+ Diện tích rừng suy giảm khiến nguồn nước dự trữ cho các nhà máy thuỷ điện, các vùng chuyên canh cây công nghiệp gặp khó khăn, nhất là vào mùa khô. (0,25đ)

*- Về môi sinh – môi trường:*

+ Lớp phủ thực vật giảm mạnh làm nạn xâm thực, xói mòn, rửa trôi đất màu gia tăng nhanh chóng, diện tích đất trồng ngày càng thu hẹp. (0,25đ)

+ Diện tích rừng giảm sẽ làm gia tăng thiên tai như lũ quét, đất lở, nước ngầm khan hiếm ở vùng núi ngày càng gay gắt hơn (0,25đ)

+ Rừng giảm sẽ kéo theo sự suy giảm các loài thực vật, động vật; nhiều loài quí hiếm có nguy cơ tuyệt chủng; nhiều hệ sinh thái rừng biến chất (0,25đ)

**Câu 5** *(5,0 điểm)*. Cho bảng số liệu sau:

**Biến động diện tích rừng và độ che phủ ở nước ta giai đoạn 1943 - 2005**.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng diện**  **tích rừng**  *(triệu ha)* | ***Trong đó*** | | **Độ che phủ**  *(%)* |
| ***Diện tích***  ***rừng tự nhiên***  *(triệu ha)* | ***Diện tích***  ***rừng trồng***  *(triệu ha)* |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0,0 | 43,8 |
| 1976 | 11,1 | 11,0 | 0,1 | 33,8 |
| 1983 | 7,2 | 6,8 | 0,4 | 22,0 |
| 1990 | 9,2 | 8,4 | 0,8 | 27,8 |
| 2000 | 10,9 | 9,4 | 1,5 | 33,1 |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 | 38,0 |

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự biến động diện tích rừng và độ che phủ ở nước ta giai đoạn 1943-2005.

b. Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét về sự biến động diện tích rừng và độ che phủ ở nước ta giai đoạn 1943-2005.

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Vẽ biểu đồ:** | 2,5 |
| - Vẽ biểu đồ kết hợp giữa cột và đường (đồ thị) thể hiện sự biến động về quy mô tổng diện tích rừng, rừng tự nhiên, rừng trồng và độ che phủ rừng ở nước ta giai đoạn 1943-2005. |
| *-Yêu cầu của biểu đồ:* |
| + Cột chồng thể hiện tổng diện tích rừng trong đó có diện tích rừng tự nhiên và diện tích rừng trồng (mỗi năm 1 cột). |
| + Đường biểu diễn thể hiện độ che phủ rừng. |
| + Biểu đồ đảm bảo chính xác, thẩm mĩ; có số liệu, có biểu thị đơn vị trên các trục toạ độ; có biểu hiện khoảng cách thời gian và tên biểu đồ, chú giải. *(Nếu thiếu 1 yêu cầu trừ 0,25 điểm)* |
| *Lưu ý*: + Nếu vẽ biểu đồ cột ghép và đường thì cho 1,0 điểm. |
| **b. Nhận xét:** |  |
| - Từ năm 1943-2005 tổng diện tích rừng, rừng tự nhiên, rừng trồng cũng như độ che phủ rừng nước ta có sự biến động khá rõ nhưng không đều nhau giữa các giai đoạn, các loại rừng: | 0,5 |
| + Tổng diện tích rừng giảm nhanh thời kỳ 1943-1983 sau đó tăng mạnh thời kỳ 1983-2005 *(dẫn chứng).* | 0,5 |
| + Diện tích rừng tự nhiên thời kỳ 1943-1983 giảm nhưng giai đoạn 1983-2005 lại tăng lên… *(dẫn chứng)..* | 0,25 |
| + Diện tích rừng trồng tăng nhanh, liên tục và ổn định… *(dẫn chứng)*. | 0,25 |
| + Độ che phủ rừng cũng có sự thay đổi không đều theo từng thời kỳ… *(dẫn chứng)*. | 0,5 |
| - Gần đây, diện tích rừng và độ che phủ đang tăng dần lên nhưng tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái do chất lượng rừng chưa được phục hồi… | 0,5 |

------------------------------------------------------------------------------------------------

**Chuyên đề 16**

**ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM:**

a. **Thiên nhiên nước ta có bốn đặc điểm chung nổi bật, đó là**:

* + Việt Nam là một nước nhiệt đới gió mùa ẩm
  + Việt Nam là một nước ven biển
  + Việt Nam là xứ sở của cảnh quan đồi núi
  + Thiên nhiên nước ta phân hóa đa dạng, phức tạp

Trong đó tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm là tính chất chủ yếu. Các đặc điểm trên là những điều kiện tự nhiên cơ bản giúp cho nước ta phát triển một nền kinh tế – xã hội toàn diện và đa dạng.

b. **Đặc điểm chung của thiên nhiên nước ta có những thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế- xã hội:**

- **Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm**:

+ Thuận lợi: Điều kiện nóng ẩm cây trồng phát triển quanh năm, có thể cấy dày và xen canh để tận dụng ánh sáng dồi dào, có thể kết kợp nông – lâm nghiệp theo công thức VAC hay VACR ( Vườn- ao- chuồng- rừng)

+ Khó khăn: Thường xảy ra hạn hán, bão lụt…

- **Tính chất ven biển**:

+ Thuận lợi: Phát triển du lịch, an dưỡng, nghỉ mát; góp phần tạo các dạng địa hình ven biển đa dạng, đặc sắc; tạo nên ở vùng ven biển các hệ sinh thái rất phát triển ; nơi chứa đựng nhiều tài nguyên thiên nhiên phong phú…

+ Khó khăn: Thiên tai, môi trường sinh thái dễ biến đổi…

- **Tính chất đồi núi:**

+ Thuận lợi: Đất đai rộng lớn, tài nguyên đa dạng ( khoáng sản, gỗ, đồng cỏ, du lịch, thủy điện…)

+ Khó khăn: địa hình chia cắt mạnh; Khí hậu, thời tiết khắc nghiệt; Giao thông khó khăn; Dân cư ít và phân tán.

- **Tính chất đa dạng, phức tạp**:

+ Thuận lợi: Thiên nhiên đa dạng, tươi đẹp, hấp dẫn là tài nguyên phát triển du lịch sinh thái; Tài nguyên thiên nhiên đa dạng là nguồn lực để phát triển kinh tế toàn diện.

+ Khó khăn: Nhiều thiên tai; Môi trường sinh thái dễ biến đổi, mất cân bằng.

**Câu hỏi**

**Câu 1.** Tính chất nhiệt đới, gió mùa, ẩm được thể hiện như thế nào trong các thành phần tự nhiên Việt Nam

\* **Gợi ý trả lời** : Cần trình bày những nội dung sau :

\* Nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới gio mùa Đông Nam Á 🡪 các yếu tố tự nhiên thể hiện rõ nét tính chất nhiệt đới gió mùa, ẩm

**1/ Địa hình** :Trong môi trường gió mùa, nóng, ẩm đất đá bị phong hóa mạnh mẽ . Lượng mưa lớn và tập trung theo mùa đã làm xói mòn, cắt xẻ, xâm thực mạnh mẽ các khối núi lớn . Đặc biệt hiện tượng nước mưa hòa tan đá vôi tạo nên địa hình Cacxtơ nhiệt đới độc đáo . Những mạch nước ngầm khoét sâu vào lòng núi đá tạo nên những hang động rộng lớn, kỳ vĩ và rất phổ biến ở nước ta .

Trên bề mặt địa hình thường có rừng cây rậm rạp che phủ . Dưới rừng là lớp đất và vỏ phong hóa dày, vụn bở

**2/ Khí hậu, thuỷ văn** :

Tính chất nhiệt đới gio mùa ẩm được thể hiện khá sâu sắc trong thành phần khí hậu, thủy văn :

1. **Về khí hậu** :

- Quanh năm, nước ta được cung cấp một nguồn nhiệt năng to lớn, bình quân trên 1 triệu kilo calo/1m2; số giờ nắng đạt từ 1400 -3000 giờ/ năm .

- Nhiệt độ trung bình >21OC và tăng dần từ Bắc 🡪 Nam

- Khí hậu nước ta có hai mùa rõ rệt, với hai mùa gió : Mùa đông : lạnh, khô với gió mùa Đông -Bắc; Mùa hạ : nóng, ẩm với gió mùa Tây - Nam

- Gió mùa đã mang đến cho nước ta lượng mưa khá lớn (1500-2000mm/năm) và độ ẩm không khí rất cao (trên 80%)

1. **Sông ngòi** :

- Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc , phân bố rộng khắp trên cả nước, nhiều phù sa - Chế độ nước có hai mùa rõ rệt : mùa lũ và mùa cạn . Mùa lũ chiếm tới 70-80% lượng nước cả năm nên dễ gây ra lũ lụt .

**3/ Thổ nhưỡng** : Với điều kiện nhiệt đới, nóng ẩm, mưa nhiều đã làm phát sinh nhiều quá trình hình thành đất đan xen vào nhau (quá trình phong hóa hóa học, quá trình feralit và đá ong hoá, quá trình phân giải vật chất hữu cơ … xói mòn, rữa trôi) 🡪 làm cho đất đai phong phú, đa dạng nhưng dễ xói mòn, rữa trôi .

**4/ Sinh vật :** Với điều kiện ánh sáng dồi dào, lượng mưa phong phú, tầng đất sâu dày, vụn bở … đã tạo nên tính đa dạng sinh học ở Việt Nam

Đặc điểm nổi bật của sinh vật VN là hệ sinh thái rừng nhiệt đới với các đặc trưng sau :

- Rừng rậm rạp, xanh tốt quanh năm, có nhiều cây, nhiều tầng

- Động vật đa đạng, phong phú, có nhiều loại quí hiếm

**Câu 2.** *(4,5 điểm)*

Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta được biểu hiện qua các thành phần địa hình, sông ngòi, đất và sinh vật như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| Biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua các thành phần: Địa hình, sông ngòi, đất, sinh vật. |  |
| ***a. Địa hình.*** |  |
| - Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi: |  |
| + Trên các sườn núi dốc mất lớp phủ thực vật, bề mặt địa hình bị cắt xẻ, đất bị xói mòn, rửa trôi, nhiều nơi trơ sỏi đá… | 0,5 |
| + Ở vùng núi đá vôi hình thành các dạng địa hình Catxtơ, các hang động, thung lũng khô, suối cạn… | 0,25 |
| - Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông: |  |
| Rìa Đông Nam của đồng bằng sông Hồng và Tây Nam của đồng bằng sông Cửu Long hàng năm lấn ra biển từ vài chục mét đến hàng trăm mét ...  => Quá trình xâm thực -bồi tụ là quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt nam hiện tại. | 0,5 |
| ***b. Sông ngòi.*** |  |
| -Mạng lưới sông ngòi dày đặc *(dẫn chứng).* | 0,5 |
| - Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa *(dẫn chứng).* | 0,5 |
| - Chế độ nước theo mùa *(dẫn chứng).* | 0,25 |
| ***c. Đất.*** |  |
| - Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. | 0,5 |
| - Trong điều kiện nhiệt ẩm cao, quá trình phong hoá với cường độ mạnh, lớp vỏ phong hoá dày. Mưa nhiều rửa trôi các chất bazơ dễ tan (Ca+ , Mg+ , K+ ) làm chua đất, đồng thời có sự tích tụ ôxit sắt (Fe2O3) và ôxit nhôm (Al2O 3 ) tạo màu đỏ vàng => Đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi nước ta. | 0,5 |
| ***d. Sinh vật.*** |  |
| **-** Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng là rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh; với thành phần thực, động vật nhiệt đới chiếm ưu thế *(dẫn chứng).* | 0,5 |
| - Cảnh quan tiêu biểu là hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit. | 0,5 |